Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 1: NHÀ Ở
BÀI 1: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức** - Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.

- Phân tích được vai trò của nhà ở đối với con người.
- Nhận diện được các đặc điểm của nhà ở và một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.

2. **Năng lực**

a) Năng lực công nghệ

- Mô tả được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.
- Giao tiếp công nghệ: Biểu diễn được ý tưởng thiết kế nhà ở.
- Sử dụng công nghệ : Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phâm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Thiết kế kĩ thuật: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể.

b) Năng lực chung

- Tự nghiên cứu thu thập thông, tin dừ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hòi.
- Hợp tác theo nhóm để nhận diện các kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng Việt Nam và trình bày kết quả thảo luận.
- Giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn về vai trò, đặc điểm và một số kiến trúc của nhà ở Việt Nam.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cúa bài học.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Tranh ánh về vai trò và đặc điểm chung cúa nhà ở, kiến trúc nhà ở Việt Nam.
- Video về ngôi nhà sinh thái.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Gợi mở nội dung và tạo hứng thú cho HS với bài học, nhận biết kiến thức thực tiễn của HS về nhà ở. Xác định được nhu cầu tìm hiếu về vai trò, đặc điểm và các loại kiến trúc nhà ở của Việt Nam.

b. **Nội dung:** Quan sát hình 1.1 và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi mở 6 **SGK.**

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV tô chức cho HS quan sát hình 1.1 và trả lời câu hỏi: Em hãy găn tên sau đây: bưu điện Hà Nội, nhà sàn, nhà mái bằng, chùa Thiên Mụ, biệt thự, chợ Bến Thành với các công trình trong Hl.l? Trong các công trình trên công trình nào thuộc nhóm nhà ở?

Hình a: Nhà sàn
Hình b: Chợ Bến Thành
Hình c: chùa Thiên Mụ
Hình d: bưu điện Hà Nội
Hình e: biệt thự
Hình g: nhà mái bằng

Trong các công trình trên, công trình hình a,e,g thuộc nhóm nhà ở.

- *GV đặt vấn đề:* Như các em đã biết, dù con người có thể đến từ nhiều nơi khác nhau, văn hóa khác nhau, ngôn ngữ khác nhau nhưng đều có những nhu cầu cơ bản chung và một trong số đó là nhu cầu về một nơi trú ngụ đó là nhà. Đe tìm hiểu kì hơn về nhà ở, chúng ta cùng đến với **bài 1: Nhà ở đối với con người.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vai trò cua nhà ở đối với con người

a. Mục tiêu : Nêu được vai trò của nhà ở đối với con người. Giải thích được vai trò của nhà ở dối với con người.

- HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân

b. Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 7 SGK

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung của phần I, quan sát hình 1.2, 1.3 và lần lượt trả lời các câu hỏi trong trang 7 SGK	I. **Vai trò của nhà ở đối với con người** Nhà ở là nơi trú ngụ, sinh hoạt, nghỉ ngơi, giải trí nhằm bảo vệ sức khỏe, gắn kết các thành viên trong gia đình, cũng là nơi học

Hình 1.2. Hang đông lầ nhà ở của con người thởi nguyên thuý

Hình 1.3 thời kì hiên đai

Hình 1.3 thể hiện các vai trò gì cúa nhà ở?

- Em hãy giải thích câu nói "ngôi nhà là tô ấm"?

- Vì sao nói nhà ở cũng có thê là nơi làm việc và học tập của con người?

Bu'ó'c 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc nội dung, quan sát hình 1.2, 1.3 và lần lượt trả lời các câu.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả:

Hình 1.3 thể hiện các vai trò: nơi sinh hoạt (phòng khách), nơi nghỉ ngơi (phòng ngủ), nơi làm việc và học tập (bàn làm việc, máy tính, giá sách).

. tập, làm việc

- Ngoài ra, nhà ở còn là nơi chứa đồ, bảo vệ tài sản của con người.

"Ngôi nhà là tổ ấm" được hiểu là: Nhà là nơi trở về nghĩ ngơi của các thành viên sau khi làm việc; là nơi gắn kết các thành viên qua hoạt động sẻ chia, vui đùa; giúp cho các thành viên cảm nhận được sự quan tâm chia sẻ từ những thành viên khác. Nhà ở cũng có thể là nơi làm việc, học tập của con người bởi: Con người có thể làm việc tại phòng sinh hoạt chung hoặc phòng ngủ được đặt bàn làm việc và các thiết bị hỗ trợ cho công việc. Ngoài ra, trong xã hội ngày nay cũng có nhiều công việc có thể làm tại nhà như: cộng tác viên báo chí dịch thuật, gia sư online, mĩ thuật, làm đồ thủ công, kinh doanh,... + HS nhận xét và bổ sung câu trả lời (nếu có). GV nhận xét và đưa ra đáp án cho mỗi câu hỏi. **Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thục hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

Hoạt động 2: Một số đặc điểm của nhà ở'

a. **Mục tiêu:** Nêu được ba đặc điêm chung của nhà ở Việt Nam

b. **Nội dung:** câu hởi hình thành trong SGK trang 8.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS quan sát H1.4 và trả lời câu hỏi : Nhà ở có các phần chính nào? - HS trả lời câu hỏi - GV nhận xét câu trả lời và đưa ra đáp án GV yêu cầu HS đọc nội dung đặc điểm 2,3 và chốt lại 3 đặc điểm chính của nhà ở Nhà ở có các thành phần chính nào? + Nhóm 2,5: Thảo luận các khu vực chính trong nhà. Ngôi nhà của gia đình em chia thành mây khu vực? Hãy kê tên và cho biết cách bố trí các khu vực đó? + Nhóm 3,6: Tìm hiêu tính vùng miên. Tính vùng miền thế hiện như thế nào trong cấu	**II. Một số đặc điểm của nhà ở** **1. Các phần chính** - Khung nhà - Mái nhà - Cửa sổ - Cửa chính - Sàn nhà - Tường nhà - Móng nhà **2. Các khu vực chính trong nhà** - Trong nhà gồm các khu vực: nơi thờ cúng, phòng khách, phòng bếp, phòng ngủ, phòng làm việc, phòng vệ sinh,.... - Các khu vực được bố trí độc lập hoặc một số khu vực có thể kết hợp với nhau như

trúc nhà ở nơi em sinh sống? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giao nhiệm vụ và tiến hành thảo luận nhóm. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Đại diện nhóm HS trình bày kết quả + GV gọi nhóm HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	nơi thờ cúng và phòng khách, phòng bếp và phòng khách,... **3. Tính vùng miền** - Điều kiện của từng cùng có sự khác nhau cũng ảnh hưởng đến cấu trúc nhà ở. VD: Nhà ở đồng bằng thường có mái bằng, tường cao Nhà ở miền núi có sàn cao,...

Hoạt động 3: Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

a. **Mục tiêu:** nêu được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

b. **Nội dung:** câu hỏi hình thành SGK trang 10.

c. **Sản phẩm học tập:** câu trả lời cảu HS

d. **Tổ chức thực hiện**:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 4 nhóm yêu cầu HS đọc nội dung phần III và hoàn thành phiếu học tập số 1.	**III. Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam** 1. **Kiểu nhà ở nông thôn** (nhà mái ngói, nhà mái tranh,...) Hình 1.5. Nhà mái ngói ở Đồng bằng Bắc Bộ Hình 1.6. Nhà trên cọc (nhà trên kênh, rạch) ở Đồng bằng sông Cửu Long ; chủ yếu bằng các ên có tại địa phương ,...) và gạch, ngói ıg không được ngăn nhỏ như phòng ăn, xây thêm nhà phụ, là ụ lao động. **thị** (biệt thự, nhà phố, .) ; chủ yếu bằng các ạo như gạch, xi măng, 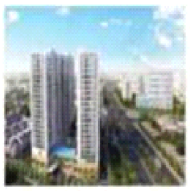 Hình 1.7. Chung cư Hình 1.8. Biệt thự 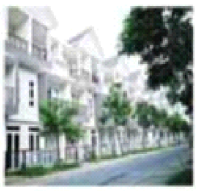 Hình 1.9. Nhà liền kề ıhà thường được phân nhỏ. Ngôi nhà thường trang trí nội thất hiện mỗi khu vực. **vực đặc thù:** Hình 1.10. Nhà nổi Hình 1.11. Nhà sàn nhà nổi trên mặt nước c cố định, nhà sàn ở vùng nui

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giao nhiệm vụ , tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận để hoàn thành phiếu học tập. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + Đại diện HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học đê hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Hãy so sánh nhà ở hiện đại với nhà ở thời nguyên thủy?

2) Mô tả kiến trúc nhà ở mơ ước của em, dựa vào nội dung phiếu học tập số 2

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Nhà ở hiện đại khác với nhà ở nguyên thủy:

+ Nhà ở thời nguyên thủy: nhà ở là hang động và hốc núi có gia công đơn giản như xếp chèn thêm đá nhỏ, đắp đất hoặc ghép lá cây cho kín,...

+ Nhà ở thời hiện đại: được xây dựng bằng các vật liệu kiên cố như tre, gồ, đất, đá, gạch,... và được bố trí thành các khu vực khác nhau, được trang trí rất đẹp.

2) Ngôi nhà mơ ước: nhà cấp 4: khung, tường bằng gạch, gồ; mái ngói đỏ, có sân và vườn hoa phía trước.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà làm câu hỏi vận dụng sau:*

1) Ngôi nhà của gia đình em có thê hiện được các vai trò đối với các thành viên không? Lấy ví dụ minh họa.

2) Hãy mô tả khu vực học tập trong ngôi nhà của em?

3) GV giới thiệu video về ngôi nhà sinh thái và yêu cầu: Em hãy tìm hiêu "nhà ở sinh thái"?

4) Đọc phần Em có biết? để tìm hiểu thêm về 2 kiểu nhà đặc biệt trên biển và dưới lòng đất. (Đặc biệt ở điểm nào? Tại sao em lại ấn tượng với điểm đặc biệt đó? Em thích kiêu nhà nào? Vì

sao? Dự đoán ưu diêm và hạn chê của hai kiêu nhà này)

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HÔ SƠ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiêm....)*

PHỤ LỤC

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yêu cầu: Em hãy đọc nội dung phần II, SGK Công nghệ 6, trang 9- 10, kê tên và nêu đặc điểm của một số kiến trúc nhà ở khác mà em biết theo gợi ý dưới đây:

Loại/ kiểu nhà	Đặc điểm (nguyên vật liệu xây dựng, kiến trúc bên trong và bên ngoài)

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Yêu cầu: Em hãy đọc nội dung phần III, SGK Công nghệ 6, trang 9- 10, cho biết: Nhà ở khu vực em sống có các kiểu cấu trúc nào?

Hãy mô tả nhà ở của gia đình em theo gợi ý dưới đây:

Loại/ kiểu nhà	Đặc điểm (nguyên vật liệu xây dựng, kiến trúc bên trong và bên ngoài)

Ngày soạn
Ngày dạy:

BÀI 2: XÂY DỰNG NHÀ Ở (2 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Kể được tên một số vật liệu để xây dựng một ngôi nhà. Mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.
- Nhận diện được các vật liệu xây dựng và một số công việc trong xây dựng một ngôi nhà.
- Trình bày được một số yêu cầu đảm bảo an toàn lao động trong xây dựng nhà ở.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- Mô tả được một số vật liệu xây dựng nhà ở; nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng nhà ở; tóm tắt được kiến thức của các bước xây dựng nhà ở.
- Giao tiếp công nghệ: Biêu diền được vật thê hay ý tưởng thiết kế bằng hình biêu diễn cơ bản.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các vật liệu xây dựng nhà ở phổ biến trong gia đình. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phâm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Thiết kế kĩ thuật: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể.

b) **Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Năng lực này được thế hiện qua giao tiếp công nghệ một thành phần cốt lõi của năng lực công nghệ.
- Tìm tòi, sáng trong thực tiễn thông qua các mạch nội dung, thực hành, trải nghiệm từ đơn giản đến phức tạp.
- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hòi.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết dự án về vật liệu xây dựng nhà ở và qua trò chơi để nhận diện các bước xây dựng nhà ở.

Giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn về xây dựng nhà ở.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6. Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, keo dán, nam châm dính bảng. Bộ hình trò chơi "Đội thi công nhanh".

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** Câu hỏi mở đầu trang 11 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV đặt câu hỏi:* Ngôi nhà của em được xây dựng bằng các loại vật liệu nào?
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:* Ngôi nhà của em được xây dựng bằng gạch, sắt, ngói, xi măng,...
- *GV đặt vấn đề:* Như các em đã biết, để có ngôi nhà ở sạch đẹp, tiện nghi thì cần phải biết cách bố trí và xây dựng nó. Đe tìm hiểu kĩ hơn về cách xây dựng nhà ở, chúng ta cùng đến với **bài 2: Xây dựng nhà ở'.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vật liệu xây dựng nhà ở.

a. Mục tiêu: Kể được tên một số vật liệu để xây dựng một ngôi nhà. Nhận diện được các vật liệu xây dựng qua hình ảnh.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 11 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu từng HS quan sát và nhận diện tên gọi của loại vật liệu xây dựng trong hình 2.1: Hình 2.1. Một số vật liệu xây dựng nhà ở - Gv đặt câu hỏi: Hãy kể thêm các vật liệu xây dựng nhà ở khác? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung - **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	**I. Vật liệu xây dựng nhà ở.** - Vật liệu chính đế xây dựng nhà ở gồm: cát, đá, gạch, ngói, thép, xi măng, gỗ, son, kính,...

Hoạt động 2: Các bước xây dựng nhà ở

a. **Mục tiêu:** Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. Giải thích được một số công việc trong xây dựng nhà ở

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 12 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung bước 1 và trả lời các câu hỏi: + Ai là người thiết kế bản vẽ ngôi nhà? + Vì sao phải dự tính chi phí cho xây dựng ngôi nhà? - GV yêu cầu HS đọc nội dung bước 2,3 và tóm tắt. Hình 2.2. Bản vẽ thiết kế ngôi nhà Hình 2.3. Các công việc xây dựng phần thô của ngôi nhà	**II. Các bước xây dựng nhà ở** *Bước 1: Chuẩn bị:* + Thiết kế bản vẽ ngôi nhà và dự tính chi phí xây dựng (Hình 2.2). + Lập hồ sơ và xin phép xây dựng. + Bố trí người xây dựng. *Bước 2. Xây dựng phần thô* Để xây dựng phần thô, cần thực hiện các công việc sau: + Làm móng. + Dựng khung hoặc tường chịu lực. Làm sàn phân chia các tầng (nếu có). + Xây tường ngăn, tường . trang trí. + Làm mái. + Lắp đặt hệ thống điện, nước, hệthống thông tin liên lạc (điện thoại, Internet,...) trong tường và trần nhà. *Bước 3. Hoàn thiện* + Trát tường, trần. + Lát nền, cầu thang.
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần	+ Sơn trong và ngoài. + Lắp cửa và thiết bị điện, nước, vệ sinh

sự giúp đỡ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	

Hoạt động 3: An toàn lao động trong xây dựng nhà ở

a. **Mục tiêu:** Nêu được một số yêu cầu về an toàn trong Giải thích được các yêu cầu về an toàn trong xây dựng nhà ở.

b. **Nội dung:** Các câu hỏi hình thành kiến thức trang 13 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hình 2.5. Một số thiết bị xây dựng *Hình 2.4 và Hình 2.5.* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần HI, sau đó khái quát tên và đặc điểm yêu cầu về an toàn cho người lao động, bằng cách trả lời câu hỏi: *+ Hãy nêu tên các trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân và các thiết bị xây dựng trong* *+ Trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân có lợi ích gì cho người lao động ?* - GV cho HS nhận diện các hình ảnh đê làm rõ các yêu cầu an toàn vừa đọc: **Hình 2.4.** Một số trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân	**III. An toàn lao động trong xây dựng nhà ở'** - Khu vực xây dựng nhà ở luôn tiềm ẩn các yếu tố gây nguy hiểm đối với con người và gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Vì vậy, khi xây dựng nhà ở cần tuân theo một số yêu cầu sau: **1. *Đảm bảo an toàn cho người lao động*** + Trang bị đầy đú trang thiết bị bảo hộ cho người lao động. + Các dụng cụ, thiết bị xây dựng (giàn giáo, cân câu, máy khoan,...) phải đảm bảo an toàn. ***2. Đảm bảo an toàn cho người và môi trường xung quanh*** + Đặt biên báo trên, xung quanh khu vực công trường. + Quây bạt, lưới che chắn bụi và vật liệu rơi vãi. + Vệ sinh các xe chở vật liệu ra vào công trường. + Xử lí rác thải công trình

+ Em hãy mô tả đặc diêm của từng loại biên	

báo trong Hình 2.6. *+ Em sẽ làm gì và không được làm gì khi gặp các biển báo này?* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả: Một số trang thiết bị bảo hộ cá nhân:mũ bảo hộ, áo bảo hộ, quần bảo hộ, giày bảo hộ, kình bảo hộ, áo phản quang, găng tay bảo hộ, dây đai bảo hộ. Các thiết bị xây dựng: máy khoan, máy trộn bê tông, xe cần cấu. Trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân: bảo vệ con người trước những nguy hiểm của quá trình xây dựng nhà ở, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho họ. Biến báo cấm: hình tròn, viền dở, nền trắng có gạch chéo màu đỏ ở giữa, có ý nghĩa: không được làm Biên báo hiệu nguy hiểm: hình tam giác đều, viền đen, nền vàng. Biển báo bắt buộc thực hiện: hình tròn, nền màu xanh lam, ở giữa là hình ảnh màu trắng. iến báo nhắc nhở và chỉ dẫn: hình chữ nhật, nền màu xanh lam nhạt. + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	

C. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Hãy kể tên và mô tả một số loại vật liệu mà em biết?

2) Hãy cho biết hai yêu cầu về an toàn lao động cần tuân theo trong xây dựng ở nhà? Cho ví dụ minh họa mỗi yêu cầu đó.

3) GV tô chức trò chơi " *Đội thi công nhanh"*

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Các loại vật liệu như: cát, xi măng, gạch, đá, sắt thép, sơn, ngói,...

2) Hai yêu cầu an toàn lao động là:

+ Đảm bảo an toàn cho người lao động

+ Đảm bảo an toàn cho người và môi trường xung quanh

3) Tổ chức trò chơi " *Đội thi công nhanh":*

- GV chuẩn bị 3 bộ hình đã được cắt riêng các hình nhỏ a, b, c, d, e của hình 2.3 trang 12 SGK; 3 tờ giấy AO; 3 bút dạ viết bảng; 3 lọ keo dính; nam châm đính bảng đe tô chức trò chơi "Đội thi công nhanh".
- GV phổ biến luật chơi: Mỗi đội sẽ trao đối và tìm ra tên của các công việc ở mỗi hình nhỏ. dán hình nhở vào giấy AO, ghi tên công việc dưới mỗi hình, sắp xếp các công việc theo thứ tự phù hợp nhất. Thời gian hoàn thành là 5 phút. Đội thắng cuộc dành danh hiệu "Đội thi công nhanh" là đội hoàn thành, treo sản phẩm lên bảng nhanh nhất và có kết quả đúng nhiều nhất.
- GV chia nhóm HS.
- Mỗi nhóm HS sẽ nhận 1 bộ hình, 1 bút dạ, 1 lọ keo dính và thảo luận để hoàn thành yêu cầu.
- GV quan sát, nhận xét và đánh giá kết quả.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

1) GV yêu cầu HS thực hiện dự án "Khám phá vật liệu xây dựng". Mỗi nhóm HS lựa chọn một kiêu kiến trúc trong số các kiêu kiến trúc đã học ở bài 1 đe hoàn thành dự án. Dự án hoàn thành tại nhà trong thời gian 1 tuần và hoàn thành trên giấy AO.

2) Đọc mục Em chưa biết SGK trang 11 và liên hệ thực tế: Những người xung quanh có ai là kĩ sư vật liệu xây dựng? Công việc cụ thể của họ là gì?

Hoàn thành phiếu học tập:

Nhóm: Lớp: **PHIẾU HỌC TẬP**	
Yêu cầu: Em hãy đọc câu hỏi phần vận dụng trong trang 14 SGK và hoàn thành các thông tin theo bảng sau	
Chi tiết an toàn	Chi tiết chưa an toàn
Giải pháp nâng cao tính an toàn cho tinh huống	

3) Đọc nội dung mục Em có biết sgk trang 14 và đặt câu hỏi: Em đã từng đọc hoặc xem

thông tin về loại vật liệu này chưa? Theo em, loại vật liệu này có ưu điểm và hạn chế gì? Em thích loại vật liệu này không? Neu có cơ hội của chính mình em có sứ dụng loại vật liệu này không?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

(Đinh kèm các phiếu học tập/bảng kiêm....)

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 3: NGÔI NHÀ THÔNG MINH (2 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm về ngôi nhà thông minh, các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- Mô tả được ba đặc điểm của ngôi nhà thông mình: tính tiện nghi, tính an toàn, tiết kiệm năng lượng.
- Nhận diện được những đặc diêm của ngôi nhà thông minh và một số nghề nghiệp liên quan đến công nghệ trong ngôi nhà thông minh.

2. **Năng lực**

a) Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Mô tả được một số sàn phẩm công nghệ và tác động của nó đến đời sống gia đinh.
- Giao tiếp công nghệ: Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng hình biểu diễn cơ bản.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong ngôi nhà thông minh. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong ngôi nhà thông minh.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mì, hiệu quá, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ cho ngôi nhà thông minh phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Thiết kế kĩ thuật: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể.

b) Năng lực chung

-Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung SGK đế trả lời câu hỏi.
- Hợp tác theo nhóm để nhận diện các đặc điểm của ngôi nhà thông minh
- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về đặc diêm ngôi nhà thông minh Nhận thức được nghề kĩ sư công nghệ thông tin.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động nhóm.
- Chăm chỉ trong sáng tạo các sản phẩm công nghệ thân thiện với môi trườn

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Video về ngôi nhà thông minh.

2. **Đôi vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dân của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.
b. **Nội dung:** Câu hỏi mở đầu trang 15 SGK.
c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV đưa ra câu hỏi mở đâu khởi động cho HS: Em hãy kê tên các thiết bị thông minh mà em*

biết. Đặc điểm nào thể hiện tính thông minh của các thiết bị ấy?

- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:*

hệ thống đèn chiếu sáng tự động tắt hoặc bật khi có có người; mở cửa cần dấu vân tay,...

- *GV đặt vấn đề:* Công nghệ mang lại sự tiện nghi trong ngôi nhà như thế nào? Ngôi nhà thông minh là gì và có đặc diêm ra sao? Đe tìm hiểu kĩ hon, chúng ta cùng đến với **bài 3: Ngôi nhà thông minh.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚC**

Hoạt động 1: Khái niệm ngôi nhà thông minh

a. **Mục tiêu:** Cung cấp cho HS về khái niệm ngôi nhà thông minh, hệ thống cấu tạo nên ngôi nhà thông minh.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 15 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung của phần I. Khái niệm nhà thông minh, GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: + Kể tên một số cách thức điều khiển các thiết bị thông minh mà em biết? + Quan sát H3.1, kê tên các hệ thông có trong ngôi nhà thông minh? + Trong ngôi nhà thông thường có các hệ thống này hay không? Neu có thì chúng có sự khác biệt gì so với trong ngôi nhà thông minh? Cho ví dụ 	**1. Khái niệm ngôi nhà thông minh** 1. **Ngôi nhà thông minh là gì?** Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được lắp đặt các thiết bị thông minh thành hệ thống và được điều khiển tự động hoặc từ xa, đảm bảo tăng tính tiện nghi, an toàn và tiết kiệm năng lượng **2. Các hệ thống trong ngôi nhà thông minh** - Hệ thống chuyển đổi năng 1 trọng - Hệ thống đèn chiếu sáng - Hệ thống mành rèm - Hệ thống an ninh - Hệ thống báo động, báo cháy - Hệ thống thiết bị nhiệt - Hệ thống tưới nước - Hệ thống giải trí
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.	

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày kết quả: Ngôi nhà thông minh có thể được điều khiển bằng bảng điều khiển, điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính bàn. Có 8 hệ thống trong ngôi nhà thông minh: hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống chuyên đổi năng lượng; hệ thông giải trí; hệ thống tưới nước, hệ thống thiết bị nhiệt; hệ thống báo động, báo cháy; hệ thống an ninh; hệ thống mành rèm. Ngôi nhà thông thường không có thiết bị thông minh này. + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	

Hoạt động 2: Đặc điểm của ngôi nhà thông minh

a. **Mục tiêu: Mô** tả được ba đặc điểm của ngôi nhà thông minh: tính tiện nghi, tính an toàn cao và tiết kiệm năng lượng.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 16 **SGK.**

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung phần II và thảo luận theo cặp trả lời các câu hỏi: + *Ngôi nhà thông minh có dễ sử dụng đối với người già và trẻ em không? Vì sao?* + *Nêu tên các thiết bị được điều khiên từ xa trong H3.2.* Hinh 3.2. Một sò thiết bị đươc điều khiển tử xa - GV yêu cầu HS quan sát H3.3 và thảo luận	**2. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh** • *Đặc diêm 1: Tính tiện nghi* - Các thiết bi trong ngôi nhà thông minh đều dề sử dụng do hoạt động tự động được điều khiển từ xa bằng các thao tác đơn giản Các thiết bị thông minh còn có thể ghi nhớ thói quen của người sử dụng, tự thay đôi và cài đặt sằn cho phù hợp • *Đặc điểm 2: Tính an toàn cao* - Sự an toàn trong ngôi nahf thông minh được đảm bảo nhờ hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy và chừa cháy giúp giám sát từ xa,... *Đặc diêm 3: Tiết kiệm năng lượng* - Ngôi nhà thông minh tiết kiệm năng lượng do được lắp đặt các thiết bị có thể tự

theo cặp trả lời câu hỏi: *+ Hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy có thê cảnh báo trong những trường hợp nào?* *+ Khi có nguy cơ mất an toàn, hệ thong an ninh, báo cháy và chữa cháy sẽ thông báo cho chù nhà bằng cách nào?*	động bât hoặc tắt, tự động điều chỉnh mức tiêu hao năng lượng theo nhu cầu của người sử dụng và môi trường xung quanh. Hệ thống chuyển từ năng lượng gió, năng lượng Mặt Trời thành điện giúp tiết kiệm chi phí và thân thiện với môi trường
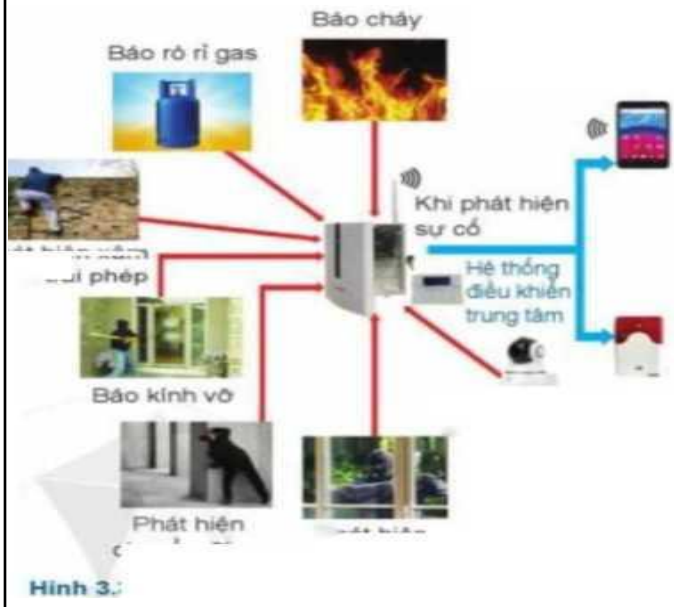 Hình 3. - GV yêu cầu HS quan sát H3.4 và thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi: ngôi nhà thông minh thu nhận năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió bằng thiết bị nào?	Kết luận: Ngôi nhà thông minh dề sử dụng đối với cả người già, trẻ em và người ít hiểu biết về công nghệ bởi tính tiện nghi của nó vì ngôi nhà thông minh có tính tự động hoặc được điều khiển chi bằng một nút bấm. Các tiện nghi của nó hoàn toàn thích hợp với hai đối tượng này Các thiết bị được điều khiển từ xa được thể hiện trong hình 3.2 là: a - tủ lạnh; b - bếp từ; c - điều hoà; d, e, k - camera; g - máy tính; h - khoá cửa: i- lò vi sóng; 1- chuông báo cửa Hệ thống an ninh, báo cháy và chừa cháy có thê cảnh báo trong những trường hợp; có khói vượt quá ngưỡng an toàn, rò ri khí gas, phát hiện xâm nhập trái phép, báo kính vờ, phát hiện chuyên động, phát hiện mở cửa. thống an ninh, báo cháy và chừa cháy sẽ thông báo cho chú nhà bằng cách thông báo qua điện thoại, thông báo qua còi, đèn chớp. Ngôi nhà thông minh thu nhận năng lượng mặt trời và năng lượng gió nhờ vào các tấm
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ Hình 3.4. Ngôi nhà có hệ thống chuyển đổi năng lượng **Buóc 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**	

+ HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	pin mặt trời và các tua-bin gió cùng với bộ chuyển đổi năng lượng mặt trời thành điện.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của **HS.**

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:

1) Nêu từ hoặc cụm từ còn thiếu mô tả đặc điểm của ngôi nhà thông minh trong các dấu chấm:

Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được lắp đặt các thành hệ thống và được điều khiên đảm bảo tăng tính tiện nghi, an toàn và tiết kiệm năng lượng khi sử dụng.

2) Có bao nhiêu hệ thống trong ngôi nhà thông minh?

a. 6 hệ thống b. 7 hệ thống c. 8 hệ thống

3) Hoàn thành bảng 3.1, 3.2 trong sgk quan Phiếu học tập số 1,2.

Nhóm:, Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yêu cầu: Hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trang 16 SGK và hoàn thành thông tin theo bảng sau:

Tên hệ thống	**Hoạt động tự động**
Hệ thống đèn chiếu sáng	
Hệ thống an ninh	
Hệ thống báo động, báo cháy	
Hệ thống mành rèm	
Hệ thống thiết bị nhiệt	
Hệ thống giải trí	
Hệ thống tưới nước	

Nhóm:, Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỚ 2

Yêu cầu: Hãy đọc phần luyện tập trong SGK trang 18 và hoàn thành bảng sau:

Mô tả	**Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**

Người đi tới đâu đèn tự động bật chiếu sáng	
Tin nhắn được gửi đến điện thoại của chủ nhà khi phát hiện ra sự xâm nhập trái phép.	
Có tấm pin mặt trời ở mái nhà	
Điều hòa tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng phù hợp với điều kiện tự nhiên xung quanh	
Chạm nút "đi ngủ" trên màn hình điện thoại thì điện được tắt, rèm được kéo vào, cửa được đóng	
Còi báo cháy kêu khi phát hiện nồng độ khói trong nhà vượt ngưỡng an toàn.	

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được lắp đặt các **thiết bị thông minh** thành hệ thống và được điều khiển **tự đông hoặc từ xa,** đảm bảo tăng tính tiện nghi, an toàn và tiết kiệm năng lượng khi sử dụng,

2) Đán án c.

3) Phiếu học tập số 1,2

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thúc đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiên thức đã học đê hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS về nhà:*

1) Sưu tầm các video về các hệ thống thiết bị trong ngôi nhà thông minh .

2) GV cho HS đọc hoặc tự đọc mục Em có biết trang 15 SGK, yêu cầu HS liên hệ thực tế: Những người xung quanh có ai là kĩ sư công nghệ thông tin? Công việc cụ thể của họ là gì? HS tìm hiểu về nghề và liên hệ với thực tế.

3) Ngôi nhà của gia đình em có đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh không? Hãy nêu các đặc điểm đó?

4) Hãy vẽ hoặc mô tả ngôi nhà thông minh mơ ước của em.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đảnh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

- Thu hút được sự tham gia tích cực cúa người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	
V. HỒ SƠ DẠY HỌC	**TC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiêm....)*		

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 4: SỬ DỤNG NÀNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH (1 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Trình bày được các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong gia đình.
- Nhận diện được các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong gia đình.
- Thực hiện được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng trong gia đình,

2. **Năng lực**

a) Năng lực công nghệ

- Giao tiếp công nghệ: Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng hình biểu diễn cơ bản.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mì, hiệu quả, an toàn, tiết kiệm năng lượng. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Đưa ra nhận xét một số sản phâm tiết kiệm năng lượng trong gia đình và lựa chọn được sản phẩm phù hợp.

b) Năng lực chung

-Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hỏi

- Họp tác theo nhóm để nhận diện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong gia đình.
- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về biện pháp tiết kiệm năng lượng trong gia đình.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm bảo vệ năng lượng và môi trường.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập, phiếu khảo sát.
- Các dụng cụ chế tạo máy nước nóng năng lượng mặt trời.

-Bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng, thẻ trắng, băng dính.

- Video về Giờ Trái Đất.

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** Câu hỏi mở đầu trang 19 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lòi của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV đọc câu hỏi mở đầu khởi động và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Gia đình em đnag sử dụng những loại năng lượng nào?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:* gia đình em đang sử dụng năng lượng điện, năng lượng nhiệt,,...

3.

- *GV đặt vấn đề:* Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển cùng với đó là sự ra đời của các thiết bị hiện đại sử dụng các dạng năng lượng khác nhau. Nhưng việc sử dụng các thiết bị hiện đại phải đi đôi với việc sử dụng tiết kiệm năng lượng. Vì thế cần phải lựa chọn và sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, chúng ta cùng tìm hiểu **bài 4: Sử' dụng năng lượng trong gia đình.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚC**

Hoạt động 1: Lựa chọn thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng.

a. **Mục tiêu:** Trình bày được tiêu chuẩn của thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 19 SGK và câu hỏi: Em hãy kể tên một số thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng? Làm thế nào để nhận biết được đó là thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung và trả lời các câu hỏi: + Em hãy kể tên một số thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng? + Làm thế nào để nhận biết được đó là thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng? + Nêu lợi ích của việc tiết kiệm cho gia đình và xã hội? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả: - Lợi ích của việc sử dụng tiết kiệm năng lượng cho gia đình và xã hội: *Tiết kiệm tiền (kinh tế) cho gia đình và xã hội *Góp phần đảm bảo nhu cầu điện, gas, xăng,... cho gia đình và xã hội *Góp phần bão vệ môi trường do giảm lượng khí và chất thải trong quá trình sản xuất năng lượng tạo ra + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**	**1. Lựa chọn thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng.** - Thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng thường là những sản phẩm có dán nhãn tiết kiệm năng lượng hoặc là những sản phẩm có công nghệ mới hoặc tiên tiến

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	

Hoạt động 2: Tăng cuông sử dụng năng lượng tái tạo

a. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm năng lượng tái tạo. Kể tên được các dạng năng lượng tái tạo.

b. Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 20 SGK

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS	DỤ KIÊN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần 2 và thảo luận theo cặp trả lời các câu hỏi: hãy kê tên các nguồn năng lượng tái tạo mà em biết **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận Hình 4.3. Năng lượng gió Hình 4.4. Năng lượng nước Pin mặt trời Hình 4.5. Năng lượng mặt trời **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả: Một số nguồn năng lượng tái tạo khác là: năng lượng thuỳ triều, năng lượng địa nhiệt (năng lượng được tách ra từ nhiệt trong lòng Trái Đất. Năng lượng này có nguồn gốc từ sự hình thành ban đầu của	**2. Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo** - Năng lượng tái tạo là năng lượng tự nhiên và có trữ lượng lớn như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, nước, địa nhiệt, năng lượng sinh học, thủy triều….

hành tinh, từ hoạt động phân huỷ phóng xạ của các khoáng vật, và từ năng lượng mặt trời được hấp thụ tại bề mặt Trái Đất), nhiên liệu sinh học (loại nhiên liệu được hình thành tù các hợp chất có nguồn gốc động thực vật như nhiên liệu chế xuất từ chất béo của động thực vật (mỡ động vật, dầu dừa,...), ngũ cốc (lúa mì, ngô, đậu tương,...), chất thải trong nông nghiệp (rơm rạ, phân,...), sản phẩm thải trong công nghiệp (mùn cưa, sản phàm gồ thái,...),... + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	

Hoạt động 3: Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị gia dụng đúng hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất

a. **Mục tiêu:** Giải thích được vì sao biện pháp lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị gia dụng theo đúng hướng dẫn sử dụng giúp tiết kiệm năng lượng trong gia đình.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 20 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần 3 và thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi: *Vì sao bào dưỡng thiết bị định kì tiết kiệm được năng lượng?* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thăo luận** + HS trình bày kết quả: Bảo dưỡng thiết bị định kì sẽ giúp tiết kiệm năng lượng vì thiết bị được vệ sinh và kiểm tra định kì nên sẽ hoạt động ôn định, giảm tiêu hao năng lượng. + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	**3. Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị gia dụng đúng hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất** - Mỗi thiết bị kèm hướng dẫn sử dụng và người sử dụng cần làm theo lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng sẽ tiết kiệm được năng lượng

Hoạt động 4: Xây dựng thói quen sử dụng tiết kiệm năng lượng

a. **Mục tiêu:** Nêu được biện pháp xây dựng thói quen sử dụng năng lượng trong gia đình

tiết kiệm và hiệu quả.

b. **Nội dung:** Đọc nội dung của biện pháp 4 và cho biết một số thói quen sử dụng tiết kiệm năng lượng trong gia đình.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần 4 và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết một số thói quen sử dụng tiết kiệm năng lượng trong gia đình.* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	**4. Xây dựng thói quen sử dụng tiết kiệm năng lượng** - Hình thành thói quen sử dụng tiết kiệm năng lượng như: tắt thiết bị khi không sử dụng, lựa chọn chế độ hoạt động tiết kiệm năng lượng cho thiết bị,...

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiên thức đã học đê hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Các thiết bị gia dụng nào trong gia đình em có dán nhãn tiết kiệm năng lượng?

2) Hoàn thành phiếu học tập sau:

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP

Yêu cầu: Em hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trong SGK trang 20 và hoàn thành bảng sau:

Nguồn năng lượng	Hoạt động sử dụng nguồn năng lượng trong gia đình
Năng lượng gió	
Năng lượng Mặt trời	
Năng lượng nước	

3) Khi gia đình em mua một thiết bị gia dụng mới, em có đọc hướng dân sử dụng hay không? Nếu có, gia đình em thường tìm hiểu những mục nào?

4) Em hãy chỉ ra những thói quen nào sau đây giúp tiết kiệm năng lượng trong gia đình, những thói quen nào đang lãng phí năng lượng trong gia đinh:

+ Mở cửa sô đón gió tạo mát cho ngôi nhà.

+ Bật điện trong nhà khi ngoài trời vẫn còn sáng.
+ Đun nước trên bếp và để nước sôi rất lâu.
+ Cắm sạc pin khi điện thoại đã đầy pin.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

1) Một số thiết bị gia dụng tiết kiệm năng lượng như: quạt điện tiết kiệm năng lượng, đèn điện tiết kiệm năng lượng, điều hoà tiết kiệm năng lượng, xe máy tiết kiệm xăng, bếp gas tiết kiệm gas,... Các thiết bị này được nhận diện thông qua các nhãn tiết kiệm năng lượng hoặc các biểu tượng của công nghệ tiên tiến tiết kiệm năng lượng.

2)

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP

Yêu cầu: Em hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trong SGK trang 20 và hoàn thành bảng sau:

Nguồn năng lượng	**Hoạt động sử dụng nguồn năng lượng trong gia đình**
Năng lượng gió	làm mát,...
Năng lượng Mặt trời	Sản xuất điện sinh hoạt, phơi nông sản,...
Năng lượng nước	Sản xuất điện sinh hoạt,...

2) Khi gia đình em mua một thiết bị gia dụng mới, em có đọc hướng dân sử dụng. Gia đình em thường tìm hiêu những mục : Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị.

3) Những thói quen sau đây giúp tiết kiệm năng lượng trong gia đình: Mở cửa sổ đón gió tạo mát cho ngôi nhà

Những thói quen đang lãng phí năng lượng trong gia đình:
+ Bật điện trong nhà khi ngoài trời vẫn còn sáng.
+ Đun nước trên bếp và để nước sôi rất lâu.
+ Cắm sạc pin khi điện thoại đã đầy pin.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS về nhà:

1) Theo em số lượng sao được thể hiện trên nhãn năng lượng gắn trên thiết bị gia dụng có ý nghĩa như thê nào? *(Sô lượng sao được thể hiện trên nhãn năng lượng hĩnh 4.1 (a) thề hiện hiệu suất năng lượng, nhãn 5 sao là nhãn có hiệu suất tốt nhất.)*

2) Chế tạo máy nước nóng năng lượng Mặt Trời:
+ Sơn đen bên ngoài cốc nhựa trong

Cách khắc phục vấn đề trên nước cho đầy cốc nhựa
+ Đo nhiệt độ ban đầu cúa nước trong cốc
+ Đặt một tấm nhựa trong lên miệng cốc
+ Đặt cốc nước ra ngoài trời nắng 20 phút.
+ Kiểm tra nhiệt độ của nước trong cốc.

3) Hoàn thành phiếu khảo sát:

Họ và tên: Lớp:

PHIẾU KHẢO SÁT

Tên của thiết bị:
Loại năng lượng thiết bị sử dụng:
Thời gian thiết bị đã được sử dụng: sổ lần được bảo dưỡng của thiết bị:
Bộ phận có dấu hiệu hư hỏng:
Cách khắc phục vấn đề trên:.

4) Em cần điều chỉnh lại thói quen nào để tiết kiệm năng lượng trong gia đình? Em hãy làm các tấm thẻ nhắc nhở tiết kiệm năng lượng trong gia đình mình. Sau đó dán các tấm thẻ lên tường hoặc thiết bị gia dụng cho phù hợp

5) GV yêu cầu: Em có biết trang 21 SGK và trả lời: Em đã từng đọc hoặc xem thông tin có nội dung tương tự hay chưa? Theo em, vì sao sự kiện Giờ Trái Đất thu hút được nhiều người, nhiều quốc gia tham gia?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gan với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC | *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiêm....)*

Ngày soạn:
Ngày dạy:

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1: NHÀ Ở

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hoá kiến thức của chủ đề 1

2. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

- Giao tiếp công nghệ: Biêu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng hình biểu diễn cơ bản.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Tóm tắt được các kiến thức của chù đề nhà ở.

b) Năng lực chung

-Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung SGK đế trả lời câu hỏi Hợp tác theo nhóm để khái quát chủ đề nhà ở.

- Giải quyết vấn đề có gắn với thực tiễn của chú đề nhà ở.

3. Phẩm chất

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm đối với chủ đề nhà ở và vận dụng vào thực tiễn gia đình, địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên:

- Phiếu học tập: sơ đồ trang 22 SGK Công nghệ 6, bài tập vận dụng số 4 trang 23 SGK.
- Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.

2. Đối với học sinh: Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.
b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi
c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV nhắc lại kiến thức đã học ở chương ỉ.*
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ*
- *GV đặt vấn đề:* Chúng ta đã tìm hiểu kiến năng, kĩ năng về chủ đề nhà ở. Để hệ thống lại kiến thức về nhà ở, chúng ta cùng đến với **bài Ôn tập chuong 1: Nhà ở'.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức

a. **Mục tiêu:** khái quát hóa nội dung kiến thức chủ đề
b. **Nội dung:** câu hỏi trong SGK trang 22
c. **Sản phẩm học tập:** sơ đồ hoàn thiện của HS
d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia thành 6 nhóm và thảo luận hoàn ở. thành sơ đồ kiến thức nhà **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	Sơ đồ hệ thống kiến thức nhà 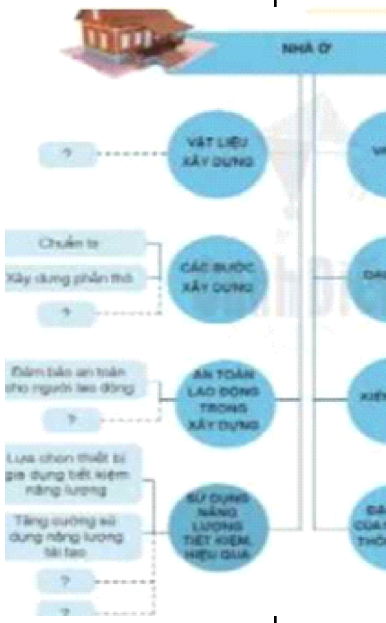

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về đặc điểm, kiến trúc của nhà ở; các bước xây dựng nhà ở; đặc diêm của ngôi nhà thông minh.

b. **Nội dung:** Bài tập 1, 2, 3 trang 23 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của **HS.**

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1. Hãy nêu vai trò của ngôi nhà đối với gia đình em, tên các khu vực hoặc phòng trong nhà và kiêu kiến trúc nhà.

2. Chọn các cụm từ: làm móng, xây tường, làm mái, chuân bị, thiết kế, xây dựng phần thô, lắp hệ thống điện nước, hoàn thiện để hoàn thành các bước xây dựng nhà ở cho phù hợp với sơ đồ dưới đây.

3. Mô tả dưới đây thuộc đặc diêm nào của ngôi nhà thông minh?

a. Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sè giảm ánh sáng.

b. Màn hình chuông cửa cho biết có khách đang đứng đợi ở cửa ra vào.

c. Có hệ thống pin năng lượng mặt trời đặt trên mái nhà.

d. Xem lại hoạt động đã diền ra trong ngôi nhà nhiều ngày trước đó.

e. Hệ thống âm thanh tự động giảm độ lớn khi đêm về khuya.

g. Cửa nhà để xe mở khi nhận diện đúng biến số xe đã cài đặt trong hệ thống.

h. Cửa được mở hoặc đóng khi nhận được yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhà.

i. Tự động phun nước tại nơi cần chừa cháy.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Vai trò của nhà ở đối với gia đình: là nơi ở, sinh hoạt, nghỉ ngơi, gắn kết các thành viên trong gia đình, nơi làm việc và học tập. Các khu vực (phòng) và kiêu kiến trúc nhà tuỳ thuộc từng gia đình HS.

2) (1): Chuẩn bị; (2): Xây dựng phần thô; (3): Hoàn thiện.

3)

a. Tính tiện nghi	b. Tính an toàn, tính tiện nghi	c. Tiết kiệm năng lượng
d. Tính an toàn	e. Tính tiện nghi	g. Tính tiện nghi

h. Tính tiện nghi i. Tính an toàn

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đế hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

Nêu ví dụ cụ thê của các biện pháp giúp tiêt kiệm năng lượng trong gia đình em theo gợi ý trong mầu Bảng 4.1.

Tên biện pháp	**Ví dụ**
Sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng	
Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo	
Sử dụng và bảo dường thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất	
Xây dựng thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm	

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đảnh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phương pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gần với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đôi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/báng kiêm....)

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
BÀI 5: THỰC PHẨM VÀ GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kể tên được các nhóm thực phẩm và nguồn cung cấp chính cho từng nhóm thực phẩm đó.

-Nêu được ý nghĩa của các chất dinh dưỡng chính đối với sức khoẻ con người.

- Trình bày được nguyên tắc xây dựng bữa ăn hợp lí và mô tả được các bước tính toán sơ bộ dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bừa ăn gia đình.
- Nhận diện được các khuyến nghị dinh dường hợp lí cho từng lứa tuổi.

2. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phâm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sờ các tiêu chí đánh giá.
- Biết lựa chọn, thay đối thực phẩm trong các bừa ăn sao cho đảm bảo sức khoẻ và phù hợp với điều kiện tài chính cúa gia đình.
- Tính toán sơ bộ được dinh dường, chi phí tài chính cho một bừa ăn gia đình.

b) Năng lực chung

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin dừ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hỏi.
- Hợp tác nhóm hiệu quả đê giải quyết các vấn đề trong nội dung bài học.
- Tự đánh giá được câu trả lời của bản thân cũng như của các thành viên trong nhóm, trong lớp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, ham học hởi. nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của bài học.
- Có ý thức sử dụng thực phẩm hợp lí đảm bảo sức khoẻ và phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối vói giáo viên:

- SGK Công nghệ 6.
- Hình 5.1 trang 25 SGK, bảng 5.3 trang 28 SGK; hình 1, hình 2, bảng 1 phụ lục SGK khổ AO.
- Hình ảnh về các món ăn đặc trưng của tùng vùng, miền, địa phương. Hình ảnh một số món ăn phổ biến trong gia đình.
- Phiếu học tập.
- Các thẻ sử dụng cho trò chơi "Ai nhanh tay hơn?".

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.
b. **Nội dung:** Câu hỏi khởi động trang 25 SGK.
c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV treo hình ảnh một số món ăn phổ biến trong gia theo từng địa phương) và chia nhóm HS. GV yêu cầu HS quan sát các hình và trả lời câu hỏi: Món ăn mà em ưa thích nhất là gì? Kể tên các thành phần trong món ăn đó?
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:* món thịt, rau xào, cá kho,... chứa chất đạm, vitamin
- *GV đặt vấn đề:* Làm thế nào để được cơ thể cân đối, khỏe mạnh? Thực phẩm có vai trò như thế nào đối với cơ thể? Đe tìm hiểu kĩ hơn, chúng ta cùng đến với **bài 5: Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng.**

A. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚC**

Hoạt động 1: Các nhóm thực phẩm và nguồn cung cấp chính

a. **Mục tiêu:** Nêu được khái niệm về thực phâm, liệt kê được nguồn cung cấp các nhóm thực phâm chính. Giải thích được lí do thực phâm được phân thành 4 nhóm chính

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 25 SGK. Em hãy kể thêm các thực phẩm chế biến theo gợi ý ở cột (3) bảng 5.1. Quan sát Hình 5.1, cho biết các chất khoáng và vitamin có trong những thực phâm nào?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1,2.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung, quan sát bảng 5.1 và hình 5.1 trang 25 SGK. - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu HS hoàn thiện phiếu học tập số 1,2. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	**I. Các nhóm thực phẩm và nguồn cung cấp chính** - - Thực phâm là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã được sơ chế, chế biến và bảo quản. - Có 4 nhóm thực phâm: + Nhóm giàu tinh bột, đường. + Nhóm giàu chất đạm + Nhóm giàu chất béo + Nhóm giàu vitamin, chất khoáng

Hoạt động 2: Vai trò của các chất dinh dưỡng chính đối với sức khỏe con người

a. Mục tiêu: Nêu được các vai trò đối với sức khoẻ con người của 5 chất dinh dưỡng

b. Nội dung: Trò chơi "Ai nhanh tay hơn?"

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS, yêu cầu HS đọc nộidung phần II ở trang 26 SGK. - GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh tay hơn?", phát các tấm thẻ với nội dung gồm các chất dinh dưỡng chính, vai trò của các chất dinh dưỡng với sức khoẻ con người cho các nhóm HS; GV yêu cầu HS gắn thẻ chất dinh dưỡng chính ứng với thẻ vai trò đối với sức khoẻ con người phù hợp. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV phổ biến luật chơi và tham gia + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS các đội chơi trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	**II. Vai trò của các chất dinh dưỡng chính đối với sức khoe conngười** - Nhóm tinh bột, đường: có vai trò hỗ trợ sự phát triển não và hệ thần kinh; điều hoạt hoạt động cơ thể,... - Nhóm chất béo: giúp hấp thu các vitamin A,D,E,K; giúp phát triển các tế bào não và hệ thần kinh,... - Nhóm chất đạm: giúp xây dựng tế bào, tăng sức đề kháng,... - Nhóm chất khoáng: giúp hình thành, tăng trường và duy trì sự vừng chắc của xương, răng; điều hòa hệ tim mạch, tuần hoàn máu. tiêu hóa; duy trì cân bằng chất long trong cơ thể,... Nhóm các vitamin: giúp chuyên hóa thức ăn thành năng lượng; tăng cường thị lực….

Hoạt động 3: Tính toán sơ bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình

a. **Mục tiêu:**

- Hiểu được các bước tính toán sơ bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. Hình thành thói quen ăn, uống khoa học

b. Nội dung: Có mấy nguyên tắc đề xây dựng bữa ăn hợp lí? Có mấy bước để xây dựng bữa ăn hợp lí?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của **HS.**

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ 'KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần III trang 27 SGK và trả lời câu hỏi.: Có mấy nguyên tắc để xây dựng bữa ăn hợp lí? Có mấy bước để xây dựng bừa ăn hợp lí? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**	**III. Tính toán sơ bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình** 1. **Nguyên tắc xây dựng bữa ăn hợp lí** - Cần đảm bảo: đủ năng lượng, đủ và cân dối các chất dinh dưỡng cần thiết, đa dạng thực phẩm và phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình 2. **Tính toán SO' bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bùa ăn gia đình** - Bước 1: Xác định các nhóm thực phẩm cần thiết cho bừa ăn theo khuyến nghị về chế độ dinh dưỡng hợp lí - Bước 2: Lên thực đơn cho bừa ăn

+ HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung GV hướng dẫn HS tra cứu thông tin khuyến nghị về chế độ dinh dưỡng hợp lí trong hình 1, hình 2, bảng 1 ở phụ lục trang 83 và 84 SGK. + Tháp dinh dưỡng (hình 1) có dạng hình kim tự tháp với đáy rộng và nhỏ dần khi lên cao. Tháp dinh dưỡng được chia thành 6 tầng tương ứng với 4 nhóm thực phâm chính và 2 loại gia vị (đường và muối). Dựa vào hình dạng của tháp dinh dưỡng, xác định được những thực phâm nên ăn nhiều và những thực phẩm cần hạn chế trong chế độ dinh dưỡng hằng ngày. Trên chóp của tháp dinh dưỡng là muối, loại gia vị nên ăn hạn chế. Tầng tiếp theo phía dưới tháp dinh dưỡng là đường, nên ăn ít. Tầng càng thấp là những thực phẩm tốt nên ăn theo mức độ khuyến cáo + Bảng 1 nêu các loại thực phẩm trong tháp dinh dưỡng và lượng khuyến nghị cho từng lứa tuổi. + Hình 2 là định mức quy đổi từng đơn vị ứng với mồi loại thực phẩm, cho biết khối lượng từng thực phẩm cụ thể cần có cho chế biến các món ăn theo thực đơn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở	- Bước 3: Xác định nguyên liệu, Số lượng để làm các món ăn. Bước 4: Tính giá thành cho bữa ăn đê có thê điêu chỉnh theo khả năng

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Cúng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GVyêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Em hãy chia các loại thực phẩm sau đây theo nhóm thực phẩm: cá thu, tôm sú, gà, cam, bưởi, rau muống, gạo. khoai, sắn?

1) Trong các chất dinh dưỡng sau: đường, đạm, chất khoáng, chất béo, loại nào không cung cấp năng lượng cho cơ thể?

2) GV chia nhóm HS và yêu cầu HS tìm hiểu ví dụ ờ trang 27 SGK và hoàn thành phiếu học tập số 3.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Nhóm tinh bột: gạo, khoai, sắn

Nhóm chất đạm: cá thu, tôm sú, gà

Nhóm chất khoáng, vitamin: cam, bưởi, rau muống

2) Chất khoáng không cung cấp năng lượng cho cơ thể.

3) GV hướng dẫn HS làm từng bước để hoàn thành phiếu học tập.

+ Ớ bước 1. Căn cứ vào tháp dinh dưỡng, HS nêu đủ 4 nhóm thực phẩm chính: nhóm giàu tinh bột, đường; nhóm giàu chất béo; nhóm giàu chất đạm; nhóm giàu chất khoáng và các vitamin.

+ ơ bước 2. Khi xây dựng thực đơn, HS cần áp dụng các nguyên tắc xây dựng bữa ăn hợp lí có đủ 4 nhóm thực phẩm, với mỗi nhóm nên có ít nhất 2-3 món ăn, chú ý có món ăn cung cấp nước (canh, nước rau quả, sữa,...). Ví dụ: Trong nhóm thực phẩm giàu chất đạm của thực đơn có 2 món ăn là thịt lợn rang và đậu phụ sốt cà chua; nhóm thực phẩm giàu tinh bột, đường có cơm, khoai lang;...

+ Ớ bước 3: HS liệt kê nguyên liệu/thực phẩm có trong từng món ăn, phân chia các nguyên liệu trong món ăn vào từng nhóm thực phâm. Căn cứ vào bảng 1 ở phụ lục, HS xác định lượng đơn vị khuyến nghị trong 1 ngày (đơn vị/ngày) cho từng thành viên và cả gia đình (con, bố và mẹ); tiếp theo tính lượng thực phẩm khuyến nghị cho cả gia đình trong 1 bữa (đơn vị/bừa), với giả thiết tất cả thành viên trong gia đình đêu thực hiện chê độ ăn 3 bữa/ngày thì tì lệ khuyên cáo lượng thực phâm cho

bừa sáng là 20 - 25%; bừa trưa 40%, bữa tối 35 - 40% tổng khuyến nghị đó trong ngày. HS sử dụng món ăn trong thực đơn và hình 2 đế tính khối lượng từng loại thực phàm có trong tùng món ăn (bảng 5.3, trang 28 SGK). HS có thê điêu chỉnh loại, lượng thực phẩm trong cùng nhóm sao cho đủ số đơn vị ăn quy định và thực đơn (bước 2) cũng có thế thay đổi theo. Ví dụ: Cả gia đình, một bừa cần ăn 18 đơn vị tinh bột/ngũ cốc thì dùng 12 đơn vị cho cơm, 6 đơn vị cho khoai lang như bảng 5.3, trang 28 SGK và thực đơn giữ nguyên. Neu dùng cả 18 đơn vị cho thực đơn không có món khoai lang.

+ Ở bước 4: HS dựa vào đơn giá cụ thể của từng thực phẩm ở địa phương để tính giá thành bữa ăn. Chú ý: Lượng cơm thay đổi theo từng loại gạo, thông thường lượng cơm gấp 2 - 2,5 lần lượng gạo.

- HS thực hiện tính toán và hoàn thành phiếu học tập.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS về nhà:*

1) Hoàn thành phiếu học tập số 3

2) Neu bạn của em có chiều cao thấp hơn so với lứa tuôi, em sẽ khuyên bạn nên ăn thêm những thực phẩm nào? Vì sao?

3) Đọc Em có biết trang 26,27, tính lượng nước cần thiết cho cơ thể mình trong một ngày, tính năng lượng nhận được khi ăn một sản phẩm (thông tin về năng lượng được ghi trên bao bì sán phẩm).

4) Tính sơ bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bừa ăn của gia đình (của bản thân HS hoặc gia đình người thân với HS) theo 4 bước.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HÒ Sơ DẠY 3C *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiêm....)*
H<

PHỤ LỤC

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP so 1

Yêu cầu: Em hãy điền tên các nhóm thực phẩm, các thực phẩm chế biến vào bảng 5.1 dưới đây:

Bảng 5.1: Các nhóm thực phâm và nguồn cung cấp chính

Nhóm thục phẩm	Nguồn cung cấp	
	Thực phẩm tươi sống	Thực phẩm chế biến
	Các loại hạt lương thực, khoai củ,...	
	Thịt, cá, tôm, trúng, các loại đồ,...	

	Các loại hạt giàu chất béo, mỡ,....	
	Các loại rau, quả, ngũ cốc nguyên hạt,...	

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Yêu cầu: Em hãy liệt kê tên chất khoáng, vitamin và loại thực phẩm giàu các chất đó trong hình 5.1 vào bảng sau:

Tên chất khoáng, vitamin	**Tên sản phẩm trong hình 5.1**
Calcium	
Iodine	

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Yêu cầu: Em hãy điền tên các nhóm thực phẩm, thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến phổ biến trong bừa ăn gia đình em vào bảng dưới đây:

Nhóm thực phẩm	**Nguồn cung cấp**	
	Thực phẩm tươi sống	**Thực phẩm chế biến**

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Yêu cầu: Em hãy tìm hiểu đơn giá của từng loại thực phẩm trong cột 2, bảng 5.4 và tính chi phí cho một bừa ăn gia đình trong bảng dưới đây:

Bảng 5.4: Chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình

TT	Nguyên liệu	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạo	312g		
2	Khoai lang	504g		
3	Đường	25g		
4	Thịt mỡ	10g		
5	Dầu ăn	25g		
6	Thịt	155g		
7	Đậu phụ	174g(3miếng)		
8	Sữa nước	200ml		
9	Sữa chua	300g		
10	Rau cải	240g		
11	Cà chua	80g		
12	Chanh dây	80g		
13	Đu đủ	240g		
14	Gia vị	5g		
Tổng chi phí				

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 6: BẢO QUẢN THỰC PHẨM (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quán thực phâm.
- Nhận diện được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến.
- Trình bày được các nguyên tăc bảo quản thực phâm.

2. Năng lực

a) **Năng lực công nghệ**

- Lựa chọn được phương pháp bảo quản phù hợp cho các loại thực phâm phô biên trong gia đình. Thực hiện tốt việc bảo quản thực phâm theo đúng các nguyên tắc đã được hướng dẫn.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các sản phâm công nghệ phổ biến trong gia đình. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.

b) **Năng lực chung**

-Tự nghiên cứu thu thập thông tin dừ liệu qua nội dung SGK đế trả lời câu hỏi.

- Họp tác nhóm hiệu quả đế giải quyết các vấn đề trong nội dung bài học.
- Tự đánh giá được câu trả lời của bản thân cũng như của các thành viên trong nhóm, trong lớp.

3. **Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học hỏi để mở rộng hiểu biết về bảo quản thực phẩm.
- Có ý thức vận dụng các kiên thức, kĩ năng vê bảo quản thực phâm vào trong cuộc sống hằng ngày.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Các hình khổ AO hoặc bản chiếu/slide có hình ảnh một sổ phương pháp bảo quản thực phâm phô biên trong gia đình (thùng đựng gạo, tủ lạnh có chứa thực phâm, tú đông lạnh, hộp đựng lạc, vừng, gói mì tôm, kho bảo quản thóc,...).
- Phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu.

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày van đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

G V yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em hãy kề tên các loại thực phẩm đang được bảo quản trong gia đình em? Vì sao thực phẩm đó lại bị hư hỏng?

- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bán thân*
- *GV đặt vấn đề:* Đe có món ăn ngon và đàm bảo chất dinh dường, không bị hư hỏng thì thực phẩm phải được bào quản cẩn thận. Đề biết các phương pháp bảo quản thực phẩm, chúng ta cùng đến với **bài 6: Bảo quản thực phẩm.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C**

Hoạt động 1: Vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm

a. **Mục tiêu:** Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm

b. **Nội dung:** Phiếu học tập số 1.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ 'KIẾN SẢNPHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS, yêu cầu nhóm HS đọc nội dung phần I trang 30 SGK và hoàn thiện phiếu học tập số 1 trong thời gian 5p. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bố sung **Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	**I. Vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm** - Ngăn ngừa hư hỏng ở thực phẩm. - Duy trì hoặc làm giảm ít nhất chất dinh dường và an toàn khi sử dụng. - Kéo dài được thời gian sử dụng thực phẩm. - Tăng nguồn cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng. - Giúp cho các thực phẩm theo mùa có thế sử dụng lâu dài. - Góp phần ổn định giá thực phẩm. - Đa dạng hon về sự lựa chọn thực phẩm. - Cải thiện dinh dưỡng và tiết kiệm chi phí.

Hoạt động 2: Một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến

a. Mục tiêu: Nêu được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến

b. **Nội dung:** Yêu cầu hình thành kiến thức mới trang 31 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung phần II và trả lời câu hỏi: Em hãy kể tên các phương pháp bảo quản thực phẩm. - GV chia thành 6 nhóm thảo luận: + Nhóm 1,2: tìm hiểu phương pháp bảo quản ở nhiệt độ phòng. Hãy kê tên các thực phẩm được bảo quản thoáng và kín mà em biết. + Nhóm 3,4: tìm hiểu phương pháp bảo quản ở nhiệt độ thấp. + Nhóm 5,6: tìm hiểu phương pháp bảo quản bằng đường hoặc muối. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung	**II. Một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến** 1. *Báo quản ở nhiệt độ phòng* - Bảo quản thoáng: là phương pháp bảo quản trong đó các loại rau, quả, củ tươi r khoai tây, khoai lang, hành, tỏi,... được tiếp xúc trực tiếp với không khí. - Bảo quán kín là phương pháp bảo quản trong đó các thực phẩm khô như thóc, gạo, đậu (đồ), cá khô, mực khô,... được chứa đựng hoặc bao gói kin bằng các vật liệu có khá năng cách âm tôt. Trong gia đình thường sử dụng hộp, thùng bằng nhựa, kim loại,... có nắp kín. 2. *Báo quản ở nhiệt độ thấp* - Bão quản lạnh là phương pháp bảo quản thực phâm ở nhiệt độ 0 - 15°c. Quá trình làm lạnh không tạo thành tinh thể đá trong sản phẩm. - Bảo quản đông lạnh là phương

Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	pháp bảo quản thực phâm ở nhiệt độ <-18°C. Nước trong sản phẩm bị đóng băng. *3. Bào quản bằng đường hoặc muối* - Bào quản bằng đường hoặc muối là phương pháp bảo quản thực phâm sử dụng đường hoặc muối ở nồng độ cao để ức chế sự phát triển của vi sinh vật gây thối. Ví dụ: cá ướp muối, rau muối mặn, nước mắm, quả ngâm đường,

Hoạt động 3: Các nguyên tắc bảo quản thực phẩm

a. **Mục tiêu:** Nêu được các nguyên tắc bảo quản thực phẩm

b. **Nội dung:** Có mấy nguyên tắc bảo quản thực phẩm?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẴN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần III trang 31 SGK và trả lời câu hỏi: Có mấy nguyên tắc bảo quản thực phẩm? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.	**III. Các nguyên tắc bảo quản thực phẩm** - Chi bảo quản những nguyên liệu đạt yêu cầu về chất lượng. Ví rau, củ, quả tươi phải nguyên vẹn, không bị bầm, dập,... dụ: hạt phải khô - Không để lẫn thực phẩm khác loại

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	hay thực phâm cũ và mới trong cùng vật chứa - Nơi đỗ vật chứa, kho bảo quản phái sạch, khô, thoáng, cách li với các nguồn bệnh - Sau khi kết thúc bảo quản phải vệ sinh vật chứa.

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của **HS.**

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) HS hoàn thiện phiếu học tập số 2

2) Em có thể bảo quản ngô (bắp) bằng những phương pháp nào kế trên?

3) Đe bảo quản dài ngày các loại hat như đậu, lạc, thóc mới thu hoahcj em nên làm việc gì đầu tiên?

a. Làm vệ sinh vật chứa (thùng, vại,...)

b. Phơi hoặc sấy hạt đến khô

c. Cho hạt đã phơi hoặc sấy khô vào vật chứa.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1)

Nhóm: Lớp: **PHIẾU HỌC TẬP 2** Yêu cầu: Điền "Đúng" hoặc "Sai" tương ứng với các vai trò, ý nghĩa trong

bảng
sau:

Bảng 6.2: Vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phâm		
STT	**Vai trò, ý nghĩa cua bảo quản thực phẩm**	**Đúng hay sai**
1	Tăng hư hỏng ở thực phẩm	Sai
2	Tăng nguôn cung câp thực phâm cho người tiêu dùng	Đúng
3	Giảm sự lựa chọn thực phẩm	Sai
4	Cải thiện dinh dưỡng và tiết kiệm chi phí	Đúng
5	Kéo dài thời gian sử dụng thực phẩm	Đúng

2) Em có thê bảo quản ngô (băp) băng những phương pháp: bảo quản kín.

3) Đê bảo quản dài ngày các loại hat như đậu, lạc, thóc mới thu hoahcj em nên làm việc đầu tiên: Phơi hoặc sấy hạt đến khô

- *GV nhận xét, đánh giá, chuân kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đế hỏi và trả lời, trao đối

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:Em* sẽ lựa chọn phương pháp bảo quản nào đê bảo quản thực phẩm sau: gạo, thịt, cá khô, rau cải? Vì sao?
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau - GV tông kêt lại thức cán nhớ của bài học, đánh giá kêt quả học tập trong tiêt học.*

IV. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Hình thức đánh giá	**Phương pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi	

- Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ Sơ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiêm....)*

PHỤ LỤC

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP 1

Yêu cầu:

1. Bảo quản thực phâm có bao nhiêu vai trò, ý nghĩa?

A. 5 B. 8 C.9 D.10

2. Chọn một trong các cụm từ sau và điền vào những chồ trống thích hợp trong bảng 6.1:

Rút ngắn ***ổn định giá*** ***an toàn khi sử dụng***
Vitamin ***hưhỏng*** ***kéo dài***
Sự lựa chọn ***sử dụng lâu dài*** ***tiết kiệm***

Bảng 6.1: Vai trò, ý nghĩa của báo quản thực phẩm

STT	Vai trò, ý nghĩa cua bảo quản thực phẩm
1	Tăng nguồn cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng
2	Ngăn ngừa ở thực phẩm
3	Cải thiện dinh dưỡng và Chi phí
4	Duy trì hoặc làm giảm ít nhất chất dinh dưỡng và
5	thời gian sử dụng thực phẩm
6	Đa dạng hơn về thực phẩm
7	Giúp cho các thực phẩm theo mùa có thể

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP 2

Yêu cầu: Điền "Đúng" hoặc "Sai" tương ứng với các vai trò, ý nghĩa trong bảng sau:

Bảng 6.2: Vai trò, ý nghĩa của báo quản thực phẩm

STT	Vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm	Đúng hay sai
1	Tăng hư hỏng ở thực phâm	
2	Tăng nguồn cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng	
3	Giảm sự lựa chọn thực phâm	
4	Cải thiện dinh dưỡng và tiết kiệm chi phí	
5	Kéo dài thời gian sử dụng thực phẩm	

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 7: CHẾ BIẾN THựC PHẨM (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm.
- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phô biến.
- Nhận diện được các nguyên tắc chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ
- Nhận biết được chế độ ăn, uống khoa học.

2. Năng lực

a) **Năng lực công nghệ**

-Tự đánh giá được câu trả lời của bản thân cũng như của các thành trong nhóm

- Lựa chọn được phương pháp chế biến hợp cho các loại thực phẩm biến sử dụng ngày trong gia đình.
- Chế biến được món rau trộn hài hoà về màu sắc, hình thức, mùi bảo vệ sinh an toàn thực phâm.
- Hình thành được thói quen ăn, uống khoa học.

b) **Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Năng lực này được thế hiện qua giao tiếp công nghệ một thành phần cốt lõi của năng lực công nghệ.
- Tìm tòi, sáng trong thực tiễn thông qua các mạch nội dung, thực hành, trải nghiệm từ đơn giản đến phức tạp.
- Tự nghiên cứu thu thập thông tin dừ liệu qua nội dung SGK đê trả lời
- Hợp tác nhóm hiệu quả đề giải quyết các vấn đề trong nội dung bài

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, ham học hỏi đê mở rộng hiểu biết về chế biến thực phẩm.

- Có ý thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng về chế biến thực phẩm cách, đảm bảo an toàn vệ sinh trong cuộc sống ngày.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6
- Hình 7.1 trang 33 khổ AO của SGK.
- Các hình khổ AO hoặc chiếu/slide có hình ảnh một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến (lên men, luộc/hấp, đóng hộp, nướng, phơi, sấy.
- Hình sơ đồ trình chế biến món rau trộn khô AO hoặc video clip hướng quy dẫn chế biến món rau trộn.
- Nguyên liệu và dụng cụ để thực hành chế biến món rau trộn (tên, số lượng, chất lượng cho 1 nhóm từ 4 - 6 HS đã được nêu ở trang 36 của SGK).
- Phòng thực hành đủ rộng, đám bảo vệ sinh an toàn thực phâm và đủ trang thiêt bị phục vụ cho việc dạy và học che biến món rau trộn.
- Phiếu học tập, báo cáo thực hành.
- Máy tính, máy chiếu

2. **Đổi vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** Yêu cầu khởi động trang 33 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV chia nhóm HS và tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn?". HS của mỗi nhóm sẽ lần lượt lên bảng viết các đáp án trong vòng 5 phút. Kết thúc trò chơi, đội nào viết

được nhiều đáp án đúng hơn sẽ chiến thắng. GV có thể gợi ý cho HS về sản phẩm đặc sản của địa phương.

- *Các nhóm HS tham gia trò chơi. Các nhóm HS nhận xét câu trả lời lẫn nhau.*
- *GV nhận xét và tông kết.*
- *GV đặt vấn đề:* Đe có những món ăn ngon miệng và đầy đủ chất dinh dưỡng thì chúng ta cần chế biến nhiều món ăn khác nhau để phù hợp khẩu vị của mỗi gia đình. Để chế biến được các món ăn bằng nhiều phương pháp, chúng ta tìm hiểu **bài 7: Chế biến thực phẩm.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C

Hoạt động 1: Vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm

a. **Mục tiêu:** Nêu được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phàm.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 33 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần I, quan sát các hình 7.1 trang 33 SGK và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết H7.1 thể hiện vai trò, ý nghĩa nào của chế biến thực phẩm?	**I. Vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm** - Chế biến thực phẩm là quá trình xử lí thực phẩm đã qua sơ chế hoặc thực phẩm tươi sống theo phương pháp công nghiệp hoặc thủ công đê tạo thành nguyên liệu thực phâm hoặc sản phẩm thực phẩm. - Vai trò, ý nghĩa của chế biến

Hình 7.1. Vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả:

Hình 7.1.a thê hiện các vai trò, ý nghĩa của chê biến thực phẩm gồm:

- Tăng khả năng hấp thu, tiêu hoá chất dinh dưỡng cho người sử dụng.
- Bảo vệ và tăng cường sức khoẻ cho người sử dụng.
- Tiết kiệm được thời gian chuân bị thực

thực phẩm:

+ Đa dạng hoá các sản phẩm.

+ Tăng khả năng hấp thu, tiêu hoá chất dinh dưỡng cho người sử dụng.

+ Bảo vệ thực phẩm không bị hư hỏng.

+ Bảo vệ và tăng cường sức khoẻ cho người sử dụng.

+ Tiết kiệm được thời gian chuẩn bị thực phẩm.

+ Kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm.

phâm. Hình 7.1.b thê hiện các vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm gồm: • Đa dạng hoá các sản phẩm. Tiết kiệm được thời gian chuẩn bị thực phẩm. Tăng khả năng hấp thu, tiêu hoá chất dinh dưỡng cho người sử dụng. + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bướ'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

Hoạt động 2: Một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến

a. **Mục tiêu:** Nêu được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.

b. **Nội dung:** Hãy nêu một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến và sản phẩm của các phương pháp đó

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **To chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần II và quan sát các hình từ 7.2 đen 7.7 ở trang 34 - 35 SGK và nêu một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến và sản phẩm của các phương pháp đó.	**II. Một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến** *1. Lên men* - Lên men là phương pháp chế biến thực phẩm trong đó đường trong nguyên liệu chuyền thành acid hoặc

- GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận trong 3 phút:

+ Nhóm 1,2: tìm hiêu phương pháp lên men, luộc, hấp

Kinh 7.2. Nem chua **Hinh 7.3.** Bánh cuốn

+ Nhóm 3,4: tìm hiêu phương pháp chiên

Hinh 7.5. Khoai tây chiên

Hinh 7.6. Thit nướng

(rán) và nướng.

+ Nhóm 5,6: tìm hiểu phương pháp đóng hộp, phơi, sấy.

Hình 7.4. Thực phẩm đồng hộp

Hlnh 7.7. Mực khô

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi cần nhờ vi sinh vật. Ví dụ: muối chua rau củ, làm sữa chua, làm nem chua, ủ rượu vang,...

2. *Luộc, hấp*

- Thực phẩm được làm chín ở nhiệt độ sôi của nước hoặc hơi nước.
- Khi hấp, thực phẩm chín nhanh và không bị ngâm trong nước nên chất dinh dưỡng ít bị tổn thất hơn so với các phương pháp khác như luộc, hầm,...

3. *Đóng hộp*

- Đóng hộp là phương pháp chế biến thực phẩm bằng nhiệt độ cao và đựng trong bao bì kín (lọ thuỷ tinh, hộp kim loại,...).

4. *Chiên (rán)*

- Thực phẩm được làm chín ở nhiệt độ sôi (hơn 150°C) của dầu, mỡ.
- Thực phàm sau khi chiên hoặc rán chứa nhiều chất béo và những chất có hại cho sức khoẻ, nên được khuyến cáo ăn hạn chế.

5. *Nướng*

- Thực phẩm được làm chín ở nhiệt độ cao (160 - 205°C).

và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	- Thực phâm nướng chứa những chất có nguy cơ gây ung thư, nên được khuyến cáo ăn hạn che. *6. Phơi, sấy* - Phơi, sấy là phương pháp làm kho thực phẩm. + Phơi là dùng năng lượng từ ánh sáng mặt trời + Sấy dùng năng lượng từ điện, xăng, dầu hay than củi,...

Hoạt động 3: Các nguyên tắc chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh

a. **Mục tiêu:** Nêu được các nguyên tắc chế biến thực phẩm đảm báo an toàn vệ sinh.

b. **Nội dung:** Câu hỏi trong phiêu học tập số 1.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần III trong SGK và thảo luận trả lời câu hỏi trên phiếu học tập số 1. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh	**III. Các nguyên tắc chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh** - Vệ sinh an toàn thực phẩm là tất cả điều kiện, biện pháp cần thiết để bảo đảm cho thực phâm không gây hại cho sức khoẻ, tính mạng người tiêu dùng. *1. Giữ vệ sinh khi chế biến*

Cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	- Người chế biến thực phâm phải khoẻ mạnh, mặc trang phục đúng quy định, có hiếu biết về vệ sinh an toàn thực phâm. Dụng cụ và nơi chế biến phải luôn sạch sẽ, gọn gàng, khô ráo. 2. *Chọn nguyên liệu tươi, đảm báo an toàn vệ sinh thực phàm* 3. *Tách biệt thực phẩm sống và chín, cũ và mới* để tránh lây nhiễm mầm bệnh từ thực phâm sông qua thực phẩm chín; thực phẩm cũ phải được đun nóng kì trước khi sử dụng 4. *Chê biên thực phàm đủng cách* đê giữ được các chất dinh dưỡng, giúp món ăn hấp dẫn và đảm bảo tốt an toàn vệ sinh thực phâm 5. *Bảo quản thực phẩm đủng nhiệt độ*

Hoạt động 4: Thực hành chê biên thực phẩm - món rau trộn

a. **Mục tiêu:**

- HS vận dụng được kiến thức đã học đế thực hành chế biến món rau trộn.
- Thành thạo kĩ năng chế biến món rau trộn đảm bào an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Tính được chi phí cho món rau trộn.

b. **Nội dung:** Chế biến món rau trộn.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 2, 3; món rau trộn thành phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS món rau trộn, đọc nội dung phần IV. Thực hành chế biến thực phẩm - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 2, 3. - GV chia nhóm HS, yêu cầu các nhóm chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ để tiến hành thực hành chế biến món rau trộn. - GV hướng dẫn các nhóm HS chế biến. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + Các nhóm HS chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ. + Các nhóm chế biến, trình bày món ăn và hoàn thiện báo cáo thực hành + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức	**IV. Thực hành chế biến thực phẩm - món rau trộn** - Phiếu học tập số 2, 3; - món rau trộn thành phẩm của HS

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chúc thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Em hãy kể tên các món ăn có thể chế biến từ đậu nành.

2) Em hãy nêu ưu, nhược điểm cùa phương pháp phơi và sấy.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Các món ăn có thể chế biến từ hạt đậu nành bao gồm: đậu phụ, sữa đậu nành, sữa chua đậu nành, phù trúc/váng đậu, hạt đậu nành rang/chiên, bột đậu nành, bột dinh dưỡng từ đậu nành, giá đậu nành, hạt đậu nành lên men (natto/tempeh),... Một số sản phẩm chế biến khác từ hạt đậu nành như: chao, nước tương/xì dầu, dầu đậu nành tinh luyện,...

2)

Phuong pháp	**Uu điểm**	**Nhược điểm**
Phơi	Chi phí thấp do: - Không phải mua thiết bị. - Dùng năng lượng tự nhiên (từ ánh nắng mặt trời). - Thực hiện đơn giản, dễ dàng	- Phụ thuộc vào thời tiết, có nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phâm - Thời gian làm khô dài - Cần nhiều công lao động
Sấy	- Chủ động điều khiển nhiệt độ, độ ấm,... đảm bảo vệ sinh an toàn thực phâm.	Chi phí cao do: - Đầu tư thiết bị sấy. - Dùng năng lượng nhân tạo (từ

	- Thời gian làm khô ngắn, tiết kiệm nhiều - Có thê vận hành tự động, điêu khiên từ xa, sô lượng lớn.	điện, than, củi,...) - Vận hành phức tạp, người lao động phải được đào tạo

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

1. Đê sản xuất ô mai từ hoa quả, thông thường phải làm khô nguyên liệu trước khi tẩm ướp gia vị, em hãy cho biết có thể làm khô hoa quả bằng những phương pháp nào? Theo em, phương pháp nào là tốt nhất? Vì sao?
2. Gia đình em thường sử dụng nhũng phương pháp nào ở trên đế chế biến món ăn?
3. Khi chế biến món thịt luộc, em sẽ phải tiến hành thế nào đế đảm bảo các nguyên tăc an toàn vệ sinh thực phâm?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*

1. Để sản xuất ô mai từ hoa quả, thường phải làm khô nguyên liệu trước tẩm ướp gia vị, có thể làm khô nguyên liệu bằng các phương pháp phơi và khi sấy. Trong đó, phương pháp sấy là tốt nhất, vì có thể chủ động điều khiên nhiệt độ, độ ẩm; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; thời gian làm khô ngắn với số lượng lớn.
2. Khi chế biến món thịt luộc, đê đảm bảo các nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm thì cần phải tiến hành như sau: Khu vực bếp và các dụng cụ tiếp xúc với thịt sống (rổ đựng, dao, thớt nồi,...) phải sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, khô ráo. Bàn tay trước khi tiếp xúc với thịt (sống/chín) đều phải được rửa sạch, làm khô. Thịt sử

dụng cho chế biến cần có nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Các dụng cụ tiếp xúc với thịt sống sẽ không được sử dụng đố đựng thịt đã luộc chín. Luộc cho đến khi thịt chín hoàn toàn (phần ở giữa miếng thịt không còn màu hồng). Thịt vừa luộc chín nếu ăn sau 2 giờ thì phải bảo quản ở nhiệt độ dưới 5°c

hoặc trên 60°C.

3.Khi chế biến món rau trộn, em cần phải đeo bao tay nylon ở các công đoạn sau: loại bỏ các phân không ăn được; tạo hình cho rau, củ, quả, các gia vị và công đoạn trộn vì đê tránh lây nhiễm mầm bệnh từ bàn tay người chế biến vào các nguyên liệu, đảm bảo vệ sinh an toàn cho món ăn.

- GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phuong pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. Hõ Sơ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiếu học tập/bủng kiêm....)*

PHỤ LỤC

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SÓ 1

Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Có bao nhiêu nguyên tắc chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh?

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 2: Để đảm bảo an toàn vệ sinh cho người sử dụng, thực phẩm vừ nấu chín nếu ăn sau 2 giờ thì phải bảo quản ở nhiệt độ nào dưới đây:

A. 4°C B. 10°C C. 16°C D. 22°C

Câu 3. Hãy chọn cụm từ thích hợp dưới đây để điền vào chỗ trống.

đun nóng kĩ *đun nóng* *lây nhiễm mầm bệnh*

lây nhiễm bụi bẩn *sống và chín* *tươi và khô*

Tách biệt thực phẩm....., cũ và mới để tránh..... từ thực phẩm sống qua thực phẩm chín; thực phẩm cũ phải được..... trước khi sử dụng.

Nhóm: ..... Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Yêu cầu: Điền những từ/ cụm từ còn thiếu vào trong sơ đồ quy trình chế biến món rau trộn.

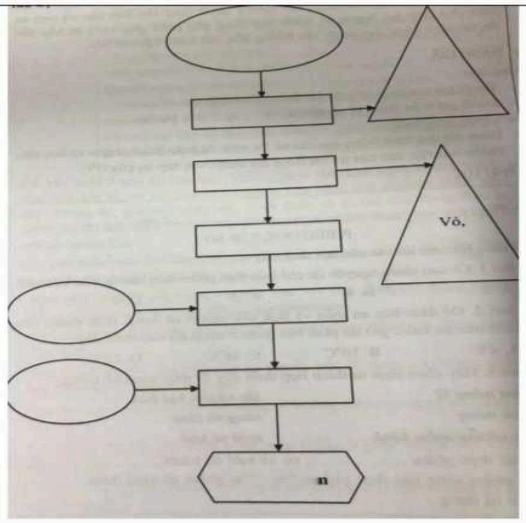

BÁO CÁO THỰ C HÀNH

Tên bài thực hành:

Họ tên HS/ nhóm:

Lớp:

Kết quả thu hoạch được trong bài thực hành:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Nhận xét và đánh giá chất lượng				Đánh giá chung
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	
1	Màu săc	Phân loại, lựa chọn				

Sơchế

Tạo hình

cuống, rỉ, lá hóng

2	Mùi					
3	Vị					
4	Trạng thái					
5	Trình bày					
6	Điểm					

- Kết luận:
+ Chất lượng sản phẩm:
+ Chi phí:

Ngày soạn:
Ngày dạy:

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỤC PHẨM (1 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Hệ thống hoá kiến thức của chù đề.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- Tóm tắt được các kiến thức của chủ đề bảo quản và chế biến thực phâm.

b) **Năng lực chung**

-Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung SGK đê trả lời câu hỏi

- Hợp tác theo nhóm để khái quát chú đề bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Giải quyết vấn đề có gắn với thực tiễn của chủ đề bảo quản và chế biến thực phâm.

3. **Phẩm chất**

- Chăm chi, ham học hỏi đề mở rộng hiểu biết về bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Có ý thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng về bảo quản và chế biến thực phẩm đúng cách, đảm bảo an toàn vệ sinh trong cuộc sống hằng ngày.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- Phiếu học tập (sơ đồ trang 39 trong SGK Công nghệ 6). Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *Gv khái quát lại kiến thức chủ đề 2.*
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân*
- *GV đặt vấn đề:* Đe ghi nhớ và khắc sâu kiến thức của chủ đề 2 chế biến và bảo quản thực phẩm, chúng ta cùng đến với **bài Ôn tập chủ đề 2: Bảo quản và chế biến thực phẩm.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C**

Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức

a. **Mục tiêu:** Khái quát hoá kiến thức của chủ đề.

b. **Nội dung:** Yêu cầu trang 39 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Sơ đồ hoàn thiện của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**Dự KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia HS thành nhóm và phát phiêu hoàn thành sơ đồ cho mỗi nhóm:	Sơ đồ hệ thống kiến thức chủ đề 2.
MỰQMNYl 1/ 1 Ukầ nu CMM 0VỞ«0 1	
/ -J w ***	
BAO QUAN 1 - / , MO CUM 1 -jrri 1 VACHÍBIÍN 1 1 J ^\. JXXXZ1	
CMỄBỄN 1 1 VMựCM^UB 1 aểhể»»»ự*]	
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo**	

luận + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung	

Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

c. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Cúng cố kiến thức về các phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm, nguyên tắc chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh.

b. **Nội dung:** Bài tập 2, 3, 4 ở trang 40 SGK..

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

2. Em hãy kể tên những thực phẩm được bảo quản bằng đường hoặc muối độ cao mà em biết. Khi sử dụng những loại thực phâm này, em cần phải lưu ý điều gì?

3. Khi chế biến thực phẩm, hành động nào dưới đây là không đúng? Vì sao?

a. Rửa tay sạch, lau khô trước khi che biến thực phẩm. b. Rửa sạch và làm khô dao, thớt trước khi cắt con cá thành khúc. c. Lấy bát vừa dùng đựng cá sống để đựng canh chua.

4. Trong gia đình em, những thực phẩm sau đây được chế biến như thế nào?

a. Khoai lang, sắn (khoai mì)

b. Thịt lợn

c. Măng tươi

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

2. Những thực phâm được bảo quản băng đường hoặc muối ở nông độ cao gồm: quả ngâm đường, cá muối, mỡ muối, trứng muối, mắm tôm, rau muối mặn (dưa chuột, cà, rau cải,...),....

Những thực phẩm có hàm lượng đường và nên ăn hạn chế vì ảnh hưởng không tốt cho sức khoẻ, cụ thể: chế độ ăn quá nhiều đường sẽ gây thừa cân, béo phì hay tiêu

đường,... còn chế độ ăn có nhiều muối sẽ gây nguy cơ cao bị các bệnh liên quan đến tim mạch, huyết áp,... Vì vậy, với quả ngâm đường, khi sử dụng nên pha với nhiêu nước, một ngày không nên sử dụng quá nhiêu; với thực phâm muôi mặn, trước khi sử dụng nên ngâm, thay nước nhiều lần đố giảm vị mặn và loại bớt muối .

3. Khi chế biến thực phẩm, hành động b là không đúng. Vì không đảm bảo an toàn, vệ sinh cho món ăn.

4. Những thực phẩm dưới đây có thể được chế biến như sau: Khoai lang, sắn: luộc, hấp, nướng,... (sắn trước khi chế biến tốt nhất nên ngâm bằng nước sạch 12-24 giờ). Thịt lợn: luộc, hấp, nướng,... Măng tươi: luộc, nấu canh xương, phơi/sấy, muối chua,...

- *GV nhận xét, đánh giả, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Bài tập 1,5, 6 ở trang 40 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

I. Em hãy tìm hieu nguyên nhân dẫn đến tình trạng thấp còi, béo phì và đe xuất biện pháp khắc phục tình trạng đó.

5. Khi chế biến rau trộn từ các loại nguyên liệu giàu vitamin A, E (cà chua, cà rốt, giá đồ,...), em nên cho thêm gỉ để tăng khả năng hấp thu các loại vitamin trên Vì sao?

ố. Tố chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến cáo mọi người nên thực hiện một chế độ ăn đa dạng, uống đủ nước và tích cực vận động. Em hiếu điều này như thế nào? Hãy đề xuất biện pháp để nhiều bạn hiểu và thực hiện được khuyến cáo của WHO.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*

1. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thấp còi là do chế độ ăn không đủ năng lượng cũng như không đủ dinh dưỡng, ngoài ra còn có the do di truyền,...

- Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng béo phì là do chế độ ăn thừa năng lượng, ít rau củ quả, ít vận động thế lực. Biện pháp giúp khắc phục/cải thiện tình trạng thấp còi: ăn đủ lượng, đủ dinh dưỡng, chú trọng đến các thực phẩm có chứa nhiều calcium như đậu nành, sữa bò, thịt, các loại đồ,...
- Biện pháp khắc phục/cải thiện tình trạng béo phì: hạn chế các thực phâm có chất béo, tăng cường rau xanh, hạn chế tối đa đồ ngọt (kẹo, bánh sô cô la,...), tăng cường hoạt động thê dục.

5. Khi chế biến món rau trộn từ các loại nguyên liệu giàu vitamin A, E, em nên cho thêm dầu ăn. Vì các vitamin A, E chỉ tan trong chất béo (dầu ăn), nhờ vậy khả năng hấp thu các vitamin A, E trong cơ thế người sẽ tăng lên.

6. Chế độ ăn đa dạng, uống đủ nước và tích cực vận động mà Tổ chức Y tế

The giới (WHO) khuyến cáo mọi người nên thực hiện là: Không có một loại thực phẩm nào có chứa đầy đủ tất cả các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể cho nên cần phải ăn nhiều loại thực phẩm đê đảm bảo cung cấp đủ các chất dinh dưỡng khác nhau. Con người cũng không thê ăn quá nhiêu loại thực phẩm trong một bữa, hay thậm chí trong một ngày. Vì vậy, nên thay đôi thường xuyên các loại thực phẩm hằng ngày. Ngoài ra, việc chế biến thực phẩm một cách đa dạng thành các món ăn khác nhau sẽ tạo ra cảm giác ngon miệng hơn và dẫn tới kết quả là các chất dinh dưỡng được ăn vào một cách cân đối. Ví dụ: Nguồn thực phẩm giàu protein có thê từ động vật trên cạn (gà, lợn, dê, cừu, cua, nhộng tằm,...), động vật dưới nước (cá, tôm, mực, trai, hến,...), thực vật (các loại đồ) và cả vi sinh vật. Từ thịt gà có thể chế biến được nhiều món ăn khác nhau: gà luộc, gà rang muối, gà tần/gà hầm, gà rán, giò gà, gà viên, xúc xích gà, gà xào nấm,...

- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đảnh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KÉ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HÒ SO DẠY H< **3C** *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiêm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

BÀI 8: CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC

(2 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Trình bày được nguồn gốc và đặc điểm của một số loại vải thường trong may mặc.
- Nhận biết được một số loại vải thường dùng trong may mặc bằng các phương pháp: vò vải, thấm nước.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- HS có khả năng tự đánh giá và đánh giá kết quả các câu trả lời của mình cũng như của các thành viên trong lớp.
- HS có khả năng lựa chọn những loại vải có đặc điểm phù hợp với nhu cầu may mặc của bản thân
- Sử dụng công nghệ : Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong may mặc.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp vê chức năng, độ bên, thâm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phâm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Thiết kế kĩ thuật: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung trong SGK. đê trả lời các câu hởi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung các loại vải thường dùng trong may mặc.

3. **Phẩm chất**

- Tích cực và yêu thích môn học.
- Giáo dục HS ý thức giữ gìn tốt các sản phẩm may mặc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối vói giáo viên:**

- Các hình trong SGK: hình 8.1 đến 8.12 khổ AO.
- Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4, bút dạ, nam châm dính bảng.
- Mầu các loại vãi để quan sát và nhận xét. Một số nhãn mác ghi thành phần sợi dệt đính trên áo quần may

- Bát/ cốc chứa nước để thử nghiệm về độ thấm nước của vải

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** Câu hỏi mở đầu trang 42 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn?". Chủ đề: Hãy kể tên những vật dụng được làm bằng vải mà em biết?
- GV chia lớp thành các đội chơi (5 đội). Các đội cử một thành viên đại diện viết đáp án.
- GV nhận xét và đánh giá.
- *GV đặt vấn đề:* Trang phục có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống con người? Trang phục nào thường được may bằng vải? Vải thiên nhiên và vải sợi hóa học khác nhau như thế nào? Để tìm hiểu kĩ hơn, chúng ta cùng đến với **bài 8: Các loại vải thường dùng trong may mặc.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C**

Hoạt động 1: Nguồn gốc, đặc điểm của các loại vải thường dùng trong may mặc

a. **Mục tiêu:** Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm của các loại vải thường dùng trong may mặc

b. **Nội dung:** Các câu hỏi hình thành kiến thức trang 43 - 44 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để tổ chức hoạt động cho HS (cá nhân hoặc nhóm). - GV đưa bộ mẫu vải để HS quan sát và nhận biết về các loại vải. - GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận theo nhiệm vụ sau: +	Nhóm 1,2: tìm hiểu đặc điểm vải sợi tự nhiên

+ Nhóm 3,4: tìm hiểu đặc điểm vải sợi hóa học. Nguyên liệu ban đau đe sản xuất ra vải sợi hoá học là gì?

DỤ KIẾN SẢN PHÁM

I. **Nguồn gốc, đặc điểm của các loại vải thường dùng trong may mặc**

1. Vải sợi tự nhiên

-Vải được sản xuất từ các loại sợi có nguồn gốc từ thực vật và động vật như sợi bông, sợi lanh, sợi tơ tằm, sợi lông cừu.

- Đặc điểm: mặc thoáng mát, thấm hút mồ hôi, giữ nhiệt tot, an toàn và thân thiện với môi trường nhung dề bị nhàu, khó giặt sạch. Khi đốt sợi vải, tro bóp dề tan.

2. Vải sợi hoá học

-Vải được sản xuất từ các loại sợi do con người tạo ra bằng công nghệ kĩ thuật hoá học với một số nguồn nguyên liệu có trong tự nhiên.

- Vải sợi hoá học có ưu điểm là ít bị nấm mốc và vi sinh vật phá huỷ.

- Vải sợi hoá học gồm hai loại: vải sợi nhân tạo và vải sợi tông hợp:

+ Vải sợi nhân tạo: Nguyên liệu ban đầu như tre, gồ, nứa,... được hoà tan trong các chất hoá học để tạo thành

+ Nhóm 5,6: tìm hiểu đặc điểm vải sợi pha. Vải sợi tông hợp thường được dùng đê may loại quân áo nào? Vì sao vải sợi pha được sử dụng phổ biến trong may mặc hiện nay? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bướ'c 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	sợi dệt vải. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát tương tự vải sợi bông nhưng ít nhàu hơn và bị cứng lại khi nhúng vào nước. Khi đốt sợi vải, tro tàn ít. + Vải sợi tổng hợp: Nguyên liệu ban đầu để tổng hợp chúng là những hợp chất hoá học thu được từ than đá và dầu mỏ. Vài có độ bền cao, bề mặt vải bóng đẹp, nhiều màu sắc. không bị nhàu, giặt nhanh khô. Tuy nhiên, loại vải này có để hút ẩm kém, ít thoáng khí, dề gây kích ứng da. Khi đốt sợi vải, tro vón cục, bó không tan. ***3. Vải sợi pha*** - Vải được sản xuất bằng cách dệt kết hợp sợi tự nhiên với sợi hoá học. - Đặc điểm là bền, đẹp, không bị nhàu, dề giặt, hút âm tương đối tốt, mặc thoáng mát, thích hợp với nhiều loại khí hậu, giá thành đa dạng. Thông thường, vải có nguồn gốc từ sợi tự nhiên có giá thành cao hơn so với các loại vải sợi khác.

Hoạt động 2: Nhận biết các loại vải

a. **Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức đã học đề thực hành phân biệt được các loại vải.

b. **Nội dung:** Nội dung thực hành trang 44 SGK: Nhận biết các loại vải

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia nhóm HS để thực hiện bài thực hành thí nghiệm trong SGK trang 44, hoàn thành phiếu học tập. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS lần lượt tiến hành từng bước: vò vải, nhở nước dưới sự hướng dẫn của HS ghi lại kết quả vào phiếu học tập. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh can sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thăo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	**II. NHẬN BIẾT CÁC LOẠI VẢI** - Vải được dệt từ các loại sợi có nguồn gốc khác nhau nên đặc điểm cũng khác nhau. Vì vậy, cần phải nhận biết các loại vải đê lựa chọn, sử dụng và bảo quàn sao cho phù hợp. - Có một số cách thông dụng để nhận biết các loại vải như: đốt sợi vải, vò vải và thấm nước,...

c. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Quan sát H8.3, 8.6, 8.9, 8.12 và kết hợp với thực tế, em hãy nêu nhận xét về các loại vải thường dùng trong may mặc hiện nay.

2) Đọc thành phần sợi vải trên nhãn mác trang phục.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Vải thường dùng trong may mặc rất đa dạng, phong phú như vải sợi tư nhiên, vãi sợi hoá học, vải sợi pha và được ứng dụng đê may nhiều vật dụng trong gia đình

2) Thành phần sợi dệt bằng tiếng Anh thường được ghi vào nhãn mác: nylon (polyamide); polyester: sợi tổng hợp; wool: len; cotton: sợi bông; viscose, acetate (rayon): sợi nhân tạo; silk: tơ tằm; line: lanh.

- *GV nhận xét, đánh giả, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

1) Dựa vào đặc điểm của các loại vải sợi trên, có thể xác định quần áo em đang mặc thuộc loại vải nào không? Vì sao?

2) Quần áo ở nhà của em được may bằng loại vải gì? Theo em, laoij vải đó có phù hợp không? Vì sao?

3) Tim hiểu thêm về nghề dệt vải, những loại vải thân thiện với môi trường?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*

- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bill học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực cùa người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù họp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đôi, thảo luận	

V. HÔ so DẠY H(Ị)C *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiểm....)*

PHỤ LỤC

Nhóm: Lớp::

PHIẾU HỌC TẬP

Yêu cầu: Em hãy độc nội dung phần II. Nhận biết các loại vải SGK trang 44.

Thực hiện thí nghiệm và hoàn thành bảng sau:

Loại vải	Độ nhàu của vải sau khi vò	Độ thấm hút nước của vải
Vải sợi tự nhiên		
Vải sợi hóa học		
Vải sợi pha		

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 9: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG (2 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Nhận biết được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang cúa bản thân.

2. **Năng lực**

a) Năng lực công nghệ

- HS có khả năng lựa chọn phong cách thời trang phù hợp với lứa tuôi, sở thích cá nhân.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các trang phục. Sử dụng đúng cách, hiệu quả và có tính thẩm mĩ.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phàm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- Thiết kế kĩ thuật: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cánh cụ thể.

b) Năng lực chung

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin. dữ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung trang phục và thời trang.
- Giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn về trang phục và thời trang.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, tích cực, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp.
- Giúp đỡ, chia sẻ với bạn bè khi hợp tác thảo luận.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- Các hình in khổ AO trong bài 2.
- Trang phục và thời trang SGK, hình ảnh về các phong cách thời trang.
- Giấy AO, A4, bút dạ, nam châm dính bảng.

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen

bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV chia nhóm HS thảo luận vấn đề: Trang phục có vai trò như thế nào đối với con người?
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân*
- *GV đặt vấn đề:* Trang phục có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống con người? Thời trang phân ra những phong cách nào? Đe tìm hiểu kĩ hơn, chúng ta cùng đến với **bài 9: Trang phục và thời trang.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C

Hoạt động 1: Trang phục

a. **Mục tiêu:** Trình bày được khái niệm về trang phục và thời trang. Nhận biết được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.

b. **Nội dung: :** Khái niệm trang phục trang 46, câu hỏi hình thành kiến thức trang

47 SGK, câu hỏi: Theo em, trang phục được chia thành mấy loại?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**DựKIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc khái niệm về trang phục trang 46 SGK. - GV giải thích khái niệm trang phục. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Hãy chỉ rõ vai trò bảo vệ con người của trang phục trong hình 9.2.	**I. Trang phục** - Trang phục là tất cả những vật dụng mà con người mặc, mang, khoác trên cơ thể như quần áo, giày dép, túi xách,... ***1. Vai trò của trang phục*** - Trang phục có vai trò bào vệ cơ thể và làm đẹp cho con người.

2. Phân loại trang phục

- Theo giới tính: trang phục nam, nữ
- Theo lứa tuổi: trang phục trẻ em, người già,...
- Theo thời tiết:trang phục mùa nóng, mùa lạnh,...
- Theo công dụng: trang phục thể thao, lễ hội, bảo hộ lao động,...

+ Theo em, thời trang được chia thành mấy loại?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bố sung

Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thục hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

Hoạt động 2: Thòi trang

a. **Mục tiêu: HS** nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.

b. **Nội dung:** Câu hởi hình thành kiến thức trang 48, 49 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung về thời trang, mốt, phong cách thời trang. - GV đưa hình ảnh minh hoạ để làm rõ khái niệm về thời trang, mốt, cách thời trang. - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em hãy lấy ví dụ về mốt thời trang mà em sử dụng trang phục "chạy" theo mốt thời trang không? Vì sao? - GV chia nhóm HS thành 4 nhóm, mỗi nhóm quan sát hình ảnh của một phong cách thời trang và thực hiện yêu cầu: Mô tả đặc điểm và lấy ví dụ về phong cách thời trang dân gian, cổ điên, thể thao, lãng mạn. **Hình 9.3. Phong cách dàn gian Hlnh 9.5. Phong cách thể thao**	**II. Thời trang** - Thời trang là cách ăn mặc, trang điểm được ưa chuộng trong xã hội vào một thời kì, thời gian nhất định. - Mốt thời trang là các kiểu trang phục mới được số đông người ưa chuộng trong thời gian ngắn. Phong cách thời trang là sự kết hợp trang phục tạo nên nét riêng độc đáo cho từng cá nhân. - Một số phong cách thời trang phổ biến: *1. Phong cách dân gian* - Đặc điểm: khai thác yếu tố văn hoá, truyền thống trong dân gian, dân tộc đưa vào thiết kế trang phục hiện đại (Hình 9.3). - Màu sắc: đa dạng, thường mang màu sắc quen thuộc cúa văn hoá truyền thống (nâu, xanh lam, đỏ đậm,...).

Hình 9.4. Phong cách cổ điển

Hình 9.6. Phong cách lãng mạn

- *Phong cách cổ điên*
- Đặc điểm: thanh lịch, sang trọng và lịch lãm (Hình 9.4).
- Màu sắc: thường sử dụng những màu trầm, màu trung tính (đen, ghi, xanh lam, trắng, nâu, nâu đỏ,...).
- *Phong cách thê thao*
- Đặc điểm: khỏe mạnh, thoải mái, tiện dụng, linh hoạt.
- Màu sắc: đa dạng, thường sử dụng các màu mạnh, màu sáng
- *Phong cách lãng mạn*
- Đặc điểm: nhẹ nhàng, mềm mại
- Màu sắc: thường sử dụng các màu nhẹ hoặc màu rực rỡ.

- Gv đặt câu hỏi:

+ Hãy lấy ví dụ về trang phục mang phong cách dân gian? Em thích phong cách thời trang nào? Vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và thực hiện hoạt động nhóm.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả:

+ ví dụ về mốt thời trang như mốt tóc ép

thẳng, hoạ tiết hoa cúc hoạ mi. giày sneaker, áo hoodie, áo bomber, quần ống rộng... + Không nên sử dụng trang phục "chạy" theo mốt thời trang vì không phù hợp với lứa tuổi HS và tốn kém. + Trang phục mang phong cách dân gian là những trang phục mặc hằng ngày nhưng sử dụng các loại vải tự nhiên truyền thống của các dân tộc hoặc sử dụng các hoạ tiết hoa văn như: nghệ thuật tranh sơn mài, tranh Đông Hồ, chim vàng anh, cây thị cho đến hoạ tiết hoa lá trong tranh cổ. + Cá 4 phong cách đều phù hợp với lứa tuổi HS. Tuy nhiên, từng phong cách thời trang sẽ phù hợp với từng thời điểm và hoàn cảnh sử dụng trang phục. VD: khi đến trường học có 3 phong cách phù hợp là phong cách cô điển, phong cách thể thao và phong cách dân gian; khi đi chơi, đi dạo phố, đi dự tiệc, phù hợp với 2 phong cách lãng mạn và thê thao. + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

***c.* HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.
b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập
c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**
- *GVyêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*
1) Hình 9.1, những vật dụng nào không phải là trang phục?
2) Em hãy phân loại trang phục ở hình 9.2?

Hình 9.1. Một số vật dụng sử dụng trong đời sống

3) Sưu tầm tranh ảnh về các phong cách thời trang?
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*
1) Những sản phẩm không phải là trang phục, bao gồm: quạt, xe đạp. là
2) .
- Hình 9.2a là trang phục bảo hộ lao động của công nhân môi trường gồm có mũ, quần áo, găng tay, tất, giày bảo hộ. Trên quần áo có thêm dải vải phản quang để khi làm việc trên đường phố với xe đi lại nhiều, nhất là trong đêm và trời tối, các phương tiện đi lại trên đường sẽ nhận thấy sự xuất hiện của những công nhân môi trường bởi dải vải phản quang có the phát sáng trong bóng tối. Chiếc mũ bảo hộ cũng có thể giúp công nhân che nắng che mưa, giúp họ an toàn hơn trong quá trình
làm việc bởi có rất nhiều nguy hiểm như những cành cây hay vật nặng từ trên cao có thể rơi xuống,...
- Hình 9.2b là trang phục bảo vệ cơ thê khỏi thời tiêt giá rét mùa đông gôm áo khoác ngoài, mũ len, giày.
- Hình 9.2c là trang phục của cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, được sản xuất từ vật liệu chống cháy gồm: Quần, áo có dải vải phán quang. Mũ: hai

bôn thân mũ có cấu tạo lôi ra để bảo vệ tai. Phía trước mũ có kính bảo vệ bằng nhựa không màu, giúp cản bụi, gió, hơi nóng khi chừa cháy, ủng: cao cổ, liền để để chống thấm nước, bên trong thân ủng có lớp vải chuyên dùng chống trượt. Găng tay: dài, bên trong găng tay có phủ lớp chất chống trượt. Khẩu trang: có thanh nẹp ôm khít mũi và bao phủ toàn bộ phần miệng, mũi, có dây đeo ở hai bên tai.

- Hình 9.2d,e,g: trang phục lề hội
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành phiếu học tập sau:*

Nhóm Lớp:
PHIẾU HỌC TẬP
Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi sau:
1. Theo em, phong cách thời trang nào phù hợp với lứa tuôi học sinh?
2. Đồng phục của trường em có những đặc điểm gì nổi bật về màu sắc và kiểu dáng?
3. Hãy mô tả những trang phục mà em có theo gợi ý bảng sau:

Trang phục	Mô tả	Phong cách thời trang
Đông phục thê thao mùa hè	Quần màu sẫm có phối sọc dọc hai bên, áo cộc tay màu đỏ có phối trắng, giày thể thao,....	Thể thao

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.* **IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. Hõ Sơ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiêm....)* Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 10: LỰA CHỌN VÀ sử DỤNG TRANG PHỤC (2 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Nêu được các phương pháp lựa chọn trang phục.
- Giải thích được vì sao phải lựa chọn và sử dụng trang phục hợp lí, phù hợp với hoàn cảnh sử dụng.
- Lựa chọn và sứ dụng được trang phục phù hợp với đặc diêm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về lựa chọn và sử dụng trang phục.
- HS có khá năng lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp vê chức năng, độ bên, thâm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phâm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung trong SGK. đê trả lời các câu hởi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung lựa chọn và sử dụng trang phục.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc trong lóp.
- Giúp đỡ, chia sẻ với bạn bè khi hợp tác thảo luận.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Một số hình ảnh về trang phục phù hợp với lứa tuổi, hoàn cành.
- Máy tính, máy chiếu.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dân của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Theo em, một bộ trang phục nếu sử dụng trong nhiều hoàn cảnh như đi học, đi ngủ, đi chơi, đi thi đấu thể thao, đi lề hội,... có được không? Vì sao?
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:* Một bộ trang phục không thế sử dụng trong nhiều hoàn cảnh vì mồi trang phục có đặc điểm theo công dụng của nó.
- *GV đặt vấn đề:* Căn cứ vào đâu để đánh giá một người có mặc trang phục phù hợp hay không? Làm thế nào để lựa chọn, sử dụng trang phục một cách phù hợp, giữ được trang phục bền, đẹp? Đe hiểu rõ hơn, chúng ta tìm hiêu **bài 10: Lựa chọn và sú' dụng trang phục.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C**

Hoạt động 1: Phuong pháp lụa chọn và sử dụng trang phục theo vóc dáng

a. **Mục tiêu:** HS nêu và chỉ ra được phương pháp lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với vóc dáng.

b. **Nội dung:** Bảng 10.1 trang 51 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia cặp đôi, yêu cầu theo cặp đôi, một HS hỏi một HS trả lời nội dung bảng 10.1 trong SGK

1. Phuong pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo vóc dáng

Bảng 10.1 SGK

Hình 10.1. Lựa chọn và sử dụng trang phục theo vóc dáng

Bướ'c 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thăo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bô sung

Bướ'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức: Muốn có một bộ trang phục đẹp, mồi người cần biết rõ vóc dáng của bản thân đế chọn chất liệu vải, màu săc. hoa văn cũng như kiêu may cho phù hợp với vóc dáng.

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

Bang 10.1. Lưa chon và sữ dung trang phục theo vốc dáng

Lựa chọn	Vóc dang		
	Cao,gây	Béo, thàp	Tháp, be
Kiểu dáng	Quần áo hoi rồng. thoải mái cố các đưởng cắt ngang cố xếp li	Quản áo vừa VỚI co thẻ có các đưởng cắt doc theo thân	Quần áo có xếp lí tao đỗ phòng vừa phải
Vái	Măt vải bóng thô. xổp	Măt vài tron, phăng, cổ đồ đàn hòi	Măt vải bổng thổ. xổp, có đô đàn hồi
Máu sắc	Màu sáng nhu màu trắng, xanh nhat, hồng nhat. vàng nhat.	Màu tối như màu đen. màu xanh đậm màu nâu đâm	Màu tươi sáng, nén mãc đồng màu
Hoa tiét	Có dạng kẻ soc ngang hoăc hoa tiết lớn	Cỏ dang kẻ soc doc nhỏ hoăc hoa tiét nhỏ	Cỏ dạng kẻ soc dọc hoác hoa tiét vữa
Phu kiên trang phục	TỦI, thắt lưng to bản, giày bét có mũi tròn	TÚI to có độ dái qua hông thắt lưng cổ đổ to vừa phải giày cao gót hỏ mQi hoàc mũi nhon	TỦI thắt lưng nhỏ, giày hở mủi hoặc mũi nhon đồng màu VỚI trang phuc

Hoạt động 2: Phương pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo lứa tuổi

a. **Mục tiêu:** Hình thành kiến thức về lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.

b. **Nội dung:** Đặc điểm của trang phục phù hợp với lứa tuổi trẻ em, thanh niên, trung niên, người già

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục 2. Theo lứa tuổi trang 52 SGK. - GV chia lớp thành 4 nhóm HS, giao cho nhiệm vụ nêu đặc điêm trang phục của từng lứa tuổi.	**2. Phương pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo lứa tuổi** - Trẻ em: kiêu dáng rộng, thoải mái, màu sắc tươi sáng, hoạt tiết trang trí vui mắt, loại vải mềm dề thấm hút mồ hôi, có độ co giãn. - Thanh niên: đa dạng, phong phú về kiểu dáng và chất liệu, màu sắc

Hình 10.2. Lựa chọn và SỬ dụng trang phục theo lứa tuổi

tươi trẻ.

- Trung niên: kiểu dáng, chất liệu, màu sắc trang nhã. lịch sự.
- Người già: kiểu dáng rộng, thoải mái, chất liệu thấm hút mồ hôi tốt, màu sắc nhã nhặn với họa tiết đơn giản.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập +

HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuân kiến thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

Hoạt động 3: Phương pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo hoàn cảnh sử dụng

a. Mục tiêu: Hình thành được kiến thức lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với hoàn cảnh sử dụng.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 53 **SGK.**

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS, yêu cầu đọc nội dung mục 3. Theo hoàn cánh sử dụng, quan sát hình 10.3 trang 53 SGK và cho biết các trang phục này được sử dụng trong hoàn cảnh nào? Nêu đặc điểm nổi bật của những trang phục đó?	

DỰ KIẾN SẢN PHÁM

3. **Phuong pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo hoàn cảnh sử dụng**

-Tùy thuộc vào hoàn cảnh sử dụng, việc lựa chọn kiểu dáng, màu sắc, chất liệu,... của trang phục khác nhau:

+ Trang phục đi học: kiểu dáng rộng, thoải mái với kiểu may đơn giản. Vải sợi pha có màu sắc nhã nhặn.

+ Trang phục lao động, sản xuất: kiểu dáng rồn, thoải mái với kiểu may đơn giản. Vải sợi bông, thoáng mát, dề thấm hút mồ hôi, có màu sẫm.

+ Trang phục thể thao:kiểu dáng phụ thuộc vào từng môn thê thao. Vải co giãn, thấm hút mồ hôi tốt, có màu sắc tươi sáng.

I **c tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tích cực thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả:

- Hình 10.3a là trang phục đi học gọn gàng, lịch sự, màu sắc nhã nhặn.
- Hình 10.3b là trang phục lao động kiểu dáng rộng, thoải mái để thuận tiện cho các hoạt động, có màu sầm, có dải phản quang.
- Hình 10.3c là trang phục thể thao, kiểu dáng thoải mái, màu sắc tươi trẻ.

- Hình 10.3d là trang phục mặc ở nhà màu sắc tươi trẻ.
- Hình 10.3e là trang phục mặc đi chơi kiêu dáng rộng.
- Hình 10.3g là trang phục lễ hội kiêu dáng câu kì.

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

——— “ —V —[1]

Hoạt động 4: Phuong pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo sự đông bộ

của trang phục

a. **Mục tiêu:** Hình thành được kiến thức lựa chọn và sử dụng trang phục theo sự đồng bộ của trang phục.

b. **Nội dung:** Yêu cầu hình thành kiến thức trang 54 **SGK.**

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS	Dự KIẾN SẢNPHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: quan sát HI0.4 và nhận xét sự động bộ của trang phục. 	· **Phuong pháp lựa chọn và sử dụng trang phục theo sự đồng bộ của trang phục** - Khi lựa chọn trang phục cần chú ý đen sự kết hợp giữa quần áo và phụ kiện đi kèm để tạo nên sự thống nhất về màu sắc và phong cách cho trang phục.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả:

- Hình 10.4a: Màu sắc của dép (đỏ, ghi đậm) đồng bộ với màu sắc cúa áo và váy.
- Hình 10.4b: Đồng bộ về phong cách thể thao, đồng bộ về màu sắc của áo và tất, giày và quần.
- Hình 10.4c: Đồng bộ về phong cách thê thao, đồng bộ về màu sắc cũa áo, mũ, giày.
- Hình 10.4d: Đồng bộ về phong cách thể thao, đồng bộ về màu sắc của áo khoác ngoài và giày, quần

và túi + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

Hoạt động 5: Thực hành lựa chọn và sử dụng trang phục

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để thực hành lựa chọn và sử

dụng trang phục phù hợp.

b. **Nội dung:** Tinh huống đưa ra trong trang 54 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của **HS.**

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VA HS Bước 1:	**DỤ KIẾN SẢN PHẨM**
Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc tình huống trong trang 54 SGK và giải quyết tình huống: " Tết năm nay gia đình em có tô chức lễ mừng thọ cho ông, bà. Em hãy lựa chọn một bộ trang phục phù họp mặc trong lễ mừng thị. Em ưu tiên tiêu chí nào khi lựa chọn trang phục? Vì sao?" **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh	**5: Thực hành lựa chọn và sử dụng trang phục** Bước 1: hình thức lựa chọn trang phục Bước 2: Xác định, mô tả, xếp loại các tiêu chí lựa chọn trnag phục phù hợp

Tiêu chí	Mô ta	xếp loại tiêu chí theo thứ tự ưu tiên
Đdc điểm vốc dáng	7	?
Lứa tuổi	?	?
Sở thIch cá nhàn	?	?
Hoân cảnh sứ dung	?	?
Lưa chon loai vái	?	?
Lưa chon phu kiên đi kèm	?	7
Lưa chọn mức giá của trang phuc	?	7
	?	?

Bước 3: Vẽ, mô tả hoặc sưu tầm ảnh trang phục mà em lựa chọn.

Cần sự giúp đỡ. **Bu'ó'c 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS giải quyết tình huống theo các bước: Bước 1: hình thức lựa chọn trang phục Bước 2: Xác định, mô tả, xếp loại các tiêu chí lựa chọn trnag phục phù hợp Bước 3: Vẽ, mô tả hoặc sưu tầm ảnh trang phục mà em lựa chọn. + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung + Thảo luận và đánh giá kết quả. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiến thức: lựa chọn và sử dụng trang phục đẹp là những trang phục phù hợp với lứa tuôi, hoàn cảnh sử dụng, vóc dáng, điều kiện kinh tế của gia đình cũng như sở thích cá nhân. Tuỳ theo điều kiện kinh tế gia đình có thể ưu tiên các tiêu chí lựa chọn trang phục cho phù hợp. Sau khi các nhóm đã hoàn thành các nhiệm vụ của hoạt động trong bài	

***c.* HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập
c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**
- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*
1) Trang phục của mỗi người trong hình 10.1 có phù hợp với vóc dáng của họ không? Vì sao?

Hình 10.1. Lựa chọn và sử dụng trang phục theo vóc dáng

2) Trang phục của mỗi người trong hình 10.2 có phù hợp với lứa tuổi của họ
không? Vì sao?

Hình 10.2. Lựa chọn và sử dụng trang phục theo lứa tuổi

3) Khi đi học em sẽ lựa chọn trang phục nào?
4) Khi lựa chọn theo sự đồng bộ của trang phục cần chú ý tới điều gì?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1.

+ Hình 10.la: Nữ mặc phù hợp, nam chưa phù hợp. Vì người nam có vóc dáng cao, gầy nhưng lại mặc màu tối và quần kiểu dáng vừa sát cơ thể, tạo cảm giác người nam cao và gầy hơn. Nừ mặc áo kẻ ngang, quần ống rộng tạo cảm giác người mập mập hơn.

+ Hình 10. Ib: Nữ phù hợp, nam chưa phù hợp. Vì hai người có vóc dáng thấp, béo. Người nữ mặc bộ kẻ sọc màu tối tạo cảm giác thon gọn hơn, người nam mặc áo kẻ ngang to tạo cảm giác béo hơn.

+ Hình 10.1c: Nam phù hợp. Nữ chưa phù hợp do vóc dáng của người thấp, bé nữ mặc quần áo rộng, màu sẫm tạo cảm giác trang phục "nuốt" người. Nam mặc màu sáng, quần áo vừa với cơ thể.

2.

+ Trong hình 10.2 có hình a và d là trang phục cho thanh niên và người già là phù hợp với lứa tuổi vì trang phục với người già kiểu dáng rộng, thoải mái, màu sắc nhã nhặn còn trang phục cho thanh niên màu sắc tươi trẻ, lịch sự.

+ Hình b và c không phù hợp do trang phục cho lứa tuổi HS là tuôi hôn nhiên, ngây thơ của trẻ khi mặc quần áo may vải dày, cứng, kiểu dáng không phù hợp sẽ làm cho trẻ già đi. Ngược lại, người trung tuổi mặc những trang phục may quá cầu kì, diêm dúa, màu sắc loè loẹt không phù hợp với lứa tuổi.

3. Khi đi học em lựa chọn đồng phục học sinh đê mặc.

4. Khi lựa chọn trang phục em chú ý vóc dáng, độ tuổi, sở thích và điều kiện tài chính của gia đình.

- *GV nhận xét, đảnh giá, chuản kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

1) Hãy tự xác định vóc dáng của em đề lựa chọn màu vải, hoạt tiết phù hợp với vóc dáng mình.

2) Trong buổi lao động vệ sinh lớp học, có một bạn nữ mặc một chiếc váy công chúa lộng lầy đê đi lao động? Theo em, bạn nữ mặc như vậy có phù hợp không? Vì sao?

3) Khi đi vào nơi tôn nghiêm (đền, chùa, nhà thờ,...) có một nhóm anh chị học sinh mặc quần áo ngắn, bó sát.Theo em, các anh chị mặc trang phục như vậy có phù hợp không? Vì sao?

4) Bạn em có vóc dáng cao, to. Em hãy đưa ra lời khuyên để bạn có thể lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng của mình.

5) Em hãy làm mới trang phục của mình bằng cách kết hợp các trang phục đnag có tạo ra 3 - 5 bộ trang phục khác nhau.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau*
- *GV tông két lại thức cần nhớ của bài học, đánh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phuong pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	
	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung		

V. HỒ SO DẠY H< Ị)C *(Đính kèm các phiếu học tập/báng kiêm....)*

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 11: BẢO QUẢN TRANG PHỤC (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết cách bảo quản trang phục đúng cách để giữ vẻ đẹp, độ bền và tiết kiệm chi tiêu cho may mặc.

2. Năng lực

a) **Năng lực công nghệ**

- HS có khả năng bảo quản trang phục hợp lí.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sừ dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. Sử dụng, bảo quản đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phâm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sớ các tiêu chí đánh giá.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung trong SGK. đê trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung bảo quản trang phục.
- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về bảo quản trang phục.

3. Phẩm chất

- HS có khả năng bảo quản trang phục đúng cách.
- Có ý thức sừ dụng trang phục một cách hợp lí.
- Có ý thức bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối vói giáo viên:

- SGK Công nghệ 6.
- Các hình ảnh về là (ủi) quần áo an toàn và không an toàn.
- Hình 11.3 trang 59 SGK và ý nghĩa của các kí hiệu giặt là trong hình.
- Máy tính, máy chiếu.

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen

bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em* thường bão quản trang phục của mình như thế nào?
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bân thân:* em thường giặt và phơi khô, sau đó gấp cẩn thận xếp vào tủ đồ,...
- *GV đặt vấn đề:* Làm thế nào để, sử dụng trang phục một cách phù hợp, giữ được trang phục bền, đẹp? Đê có được bộ trang phục yêu thích bền, đẹp thì chúng ta tìm hiếu **bài 11: Bảo quản trang phục.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C**

Hoạt động 1: Giặt, phoi hoặc sấy

a. **Mục tiêu: HS** biết được các bước giặt, phơi sấy trang phục.

b. **Nội dung: - Có** bao nhiêu bước trong sơ đồ 11.1? Nêu cụ thể cách thức thực hiện từng bước. Câu hỏi hình thành kiến thức trang 57 SGK

c. **Sản phẩm học tập:**

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM 1. Giặt, phơi hoặc sấy**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong hình 11.1 và thảo luận theo cặp trả lời các câu hỏi: **Hình 11.1. So đổ các bước giât phoi hoâc sầy** + Vì sao phải kiểm tra và phân loại trang phục trước khi giặt? + Khi giặt không nên đổ xà phòng trực tiếp lên quần áo, vì sao? - GV có thể hỏi HS thêm các câu hỏi như: Gia đình em thường giặt quần áo bằng máy giặt hay bằng tay? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến	- Để giặt trang phục sạch, nhanh, tiết kiệm nước và xà phòng, không bị phai màu, lẫn màu, cần thực hiện theo các bước (HI 1.1 SGK): Bước 1: Chuẩn bị giặt Bước 2: Giặt Bước 3: Phơi hoặc sấy

hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

Hoạt động 2: Là (ủi)

a. **Mục tiêu:** Biết cách sử dụng bàn là đúng cách và an toàn.

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 58 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS trả lời lần lượt các câu hỏi. + Vì sao khi sử dụng bàn là cần điều chỉnh nhiệt độ? + Nếu không có bàn là, em sẽ làm thế nào để quần áo ít bị nhăn? + Sử dụng bàn là như thế nào cho an toàn? - GV có thể tổ chức hoạt động nhóm cho câu hỏi: "Sử dụng bàn là như thế nào cho	**II. Là (ủi)** - Khi là, cần: + Chọn nhiệt độ thích hợp + Là theo chiều dọc vải, không để bàn là lâu trên mặt vải. + Là theo dọc chiều vải, không để bàn là lâu trên mặt vải. - Sau khi là, treo quần áo lên mắc để tránh bị nhăn trở lại.

an toàn?"

Buóc 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hòi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bu'ó'c 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả:

- Khi sử dụng bàn là cần điều chỉnh nhiệt độ vì đế có độ nóng thích hợp với từng loại vải, tránh quá nóng gây cháy quần áo, hoặc quá nguội làm cho việc là đồ không hiệu quả.
- Nếu không có bàn là, khi giặt xong, cân giữ phăng quân áo, treo lên măc áo thì quần áo sẽ ít bị nhăn.

- Sử dụng bàn là an toàn:

Cắm dây vào 0 điện. Phải luôn đảm bảo rang ồ cắm cung cấp điện đúng với yêu cầu của bàn là.

Cấm phải được đảm bảo là an toàn, không được rò rỉ điện.

Dựng đứng bàn là (ủi) khi đang chờ đê ủi mặt áo tiếp theo hay đổi áo quần để úi tiếp.

Không đê phần mặt phẳng của bàn là tiếp xúc với bất cứ bề mặt nào, hạn chế nguy cơ nhiệt độ quá cao gây cháy cho các mặt tiếp xúc. Không chạm tay vào bàn là khi đang sử dụng. Sau khi là xong nên rút dây điện, đợi bàn là nguội hẳn rồi hãy đem đi cất để đảm bảo an toàn sau khi sử dụng, cũng như tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra. + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

Hoạt động 3: cất giữ trang phục

a. **Mục tiêu:** Giúp HS biết cất giừ trang phục đúng cách.

b. **Nội dung:** Em đã cất giữ trang phục của gia đình mình như thế nào?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: *Em đã cất giữ trang phục của gia đình mình như the nào?*	**III. Cất giữ trang phục** - Trang phục sử dụng thường xuyên nên treo bằng mắc áo hoặc gấp gọn gàng và cất vào tủ. - Những trang phục chưa dùng đến

Hình 11.2. Tủ cất giữ trang phục

có thể đóng túi, buộc kín để tránh ẩm mốc, gián, công trùng,...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.
+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
+ HS trình bày kết quả
+ GV gọi HS khác nhận xét và bô sung
Bướ'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học đế hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) GV tô chức trò chơi "Ai nhanh hơn?".GV yêu câu HS trong vòng 5 phút vẽ lại sơ đồ tóm tắt các bước giặt, phơi/sấy.

2) Bảo quản trang phục như thế nào mới giữ được độ bền và đẹp của trang phục?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đế hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS về nhà:*

1) Nêu các bước là (ủi) quần áo may từ vải sợi tự nhiên?

2) Em đã làm công việc gì để bảo quả trang phục của mình và gia đình? Hãy mô tả cách làm đó.

3) Em hãy cho biết ý nghĩa của các kí hiệu có trên nhãn trang phục trong phục

HI 1.3

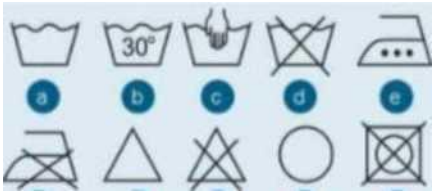

o 0 o o o

Hinh 11.3. Các kl hiệu giât là

- *HS tiêp nhận nhiệm vụ, vê nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiêt học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhó' của bài học, đánh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KÉ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	
V. HÒ SO DẠY H<	**3C** *(Đính kèm các phiêu học tập/bảng kiêm....)*		

Ngày soạn:
Ngày dạy:

ÔN TẬP CHỦ ĐÈ 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG (1 tiết)

I. **MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Hệ thống hoá được kiến thức của chú đề.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- Tóm tắt được các kiến thức của chủ đề trang phục và thời trang.
- Sử dụng công nghệ : Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phấm công nghệ phô biên trong gia đình. Sử dụng đúng cách, hiệu quả một sô sản phâm công nghệ trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ : Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mĩ, hiệu quả, an toàn. Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung SGK đế trả lời câu hỏi. Hợp tác theo nhóm đế khái quát chủ đề trang phục và thời trang.
- Giải quyết vấn đề có gắn với thực tiễn của chú đề trang phục và thời trang.

3. **Phẩm chất**

- Thái độ yêu thích đối với chủ đề trang phục và thời trang và vận dụng vào thực tế gia đình, địa phương

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4, bút da, bút màu, nam châm dính bảng.

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)**

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tố chức thực hiện:**

- *GV khái quát lại kiến thức chủ đề 3*
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân*
- *GVđặt vấn đề:* Đe khắc sâu kiến thức đã học chủ đề 3, chúng ta cùng đến với **bài ôn tập chủ đề 3: Trang phục và thời trang.**

B. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C**

Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức

a. Mục tiêu: Khái quát hoá kiến thức của chủ đề

b. **Nội dung:** Em hãy hoàn thành sơ đồ theo mẫu.

c. **Sản phẩm học tập:** Sơ đồ hoàn thiện của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**Dự KIẾN SẢN PHẨM**
Bu'O'c 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS và phát phiếu hoàn thành sơ đồ cho mỗi nhóm.	Sơ đô kiên thức chù đê 3.

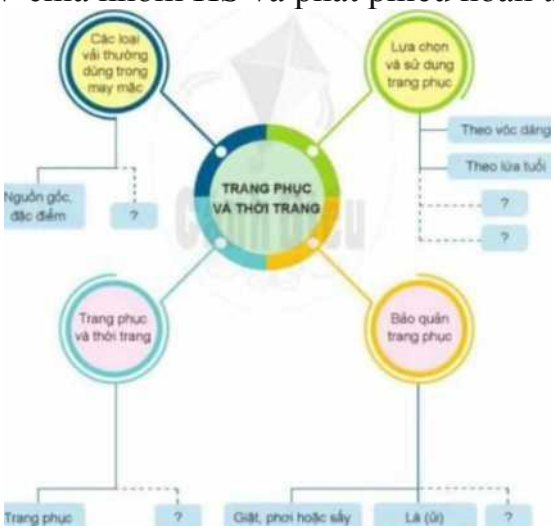

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giăng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành tháo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bô sung

Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Cũng cố kiến thức về nhận biết các loại vải thường dùng trong may mặc; lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng, công việc, sở thích; bảo quản trang phục; các ký hiệu giặt là (ủi) trên trang phục

b. **Nội dung:** bài tập 2, 4 - 7 trang 61 SGK
c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**
- *GVyêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*
2. Trước khi đi dã ngoại, em chuẩn bị những trang phục nào để bảo vệ cơ thể dưới ánh nắng mặt trời?
4. Các kí hiệu trên nhãn quần áo trong Hình 11.4 có ý nghĩa gi?

Hlnh 11.4. KI hiêu trên nhân quản ào

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*
2) Khi đi dã ngoại, em cần chuẩn bị những trang phục để bảo vệ cơ thể khói ánh nắng mặt trời như:
- Quần dài, áo dài tay hoặc quần áo chống nắng.
- Kính râm bảo vệ mắt.
- Mũ hoặc ô che đầu.

- Khẩu trang.
- Giày hoặc dép quai hậu.

4) Các kí hiệu trên nhãn quần áo trong hình 11.4 có ý nghĩa:

+ Thành phần vải: 100% polyester; 80% polyamide, 20% elastane.

+ Ký hiệu giặt, là (úi):

	Giặt bằng máy ở nhiệt độ không quá 40°C		Giặt tay
	Không sử dụng chất tẩy		Không sử dụng bàn là
~~7~~	Sử dụng bàn là ở mức số 1		Không được sấy khô
	Không được giặt khô		

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đê hỏi và trá lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS về nhà:*

I. Nhân dịp sinh nhật mẹ, bố và em muốn mua tặng mẹ một tấm vải tơ tằm để may áo dài. Làm thế nào đế xác định đúng loại vải cần mua?

3. Dựa vào đặc điểm hình dáng bên ngoài, công việc và sở thích của người thân trong gia đình, em hãy lựa chọn trang phục phù hợp với từng người theo mầu Bảng

II. 1.

Bang 11.1. Lưa chọn vang phục

Ngươi thốn trong gia đinh	Mổ tà đạc điêm vóc dang, cõng viẠc, sờ thích cá nhân	Lựa chọn trang phục
ỏng	Cao thân hinh đày đăn nước da ngâm đen, đa nghi hưu, thlch choi cở tướng thlch màu nhe nhàng	Kiều dáng rống thoải mái, chát liêu vảl SOI tự nhiên, màu sác nha nhãn VỚI hoa tlẻt kẻ SQC
BA	?	?
Bó	?	?
Me	?	?
Anh ch| hoặc em	?	?

5. Tại sao phải phơi quần áo ở nơi thoáng mát, có ánh nắng mặt trời?
6. Theo em, loại vải sợi nào an toàn với con người và thân thiện với môi trường? Vì sao?
7. Bạn của em có thói quen lấy trang phục ở trong máy giặt ra phơi mà không giũ phăng trang phục. Theo em, trang phục đó sẽ như thê nào sau khi phơi? Vi sao?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhó' của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phuong pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú

- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. **HỒ Sơ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/báng kiêm....)*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 4: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

BÀI 1: ĐÈN ĐIỆN (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, công dụng của đèn điện trong gia đình.
- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của đèn điện trong gia đình.
- Nêu được thông số kì thuật chung cúa đồ dùng điện trong gia đình và giải thích được ý nghĩa của thông số kĩ thuật đó.

2. Năng lực

a) **Năng lực công nghệ**

- HS tự đánh giá và đánh giá kết quả các câu trả lời của mình cũng như của các thành viên trong lớp.
- Biết được đặc điểm cúa đèn điện và ưu nhược điểm của một số loại đèn điện.
- Sử dụng đèn điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
- Lựa chọn được loại đèn điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện của gia đình.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đồ trong nội dung bài học.

3. **Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.
- Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6. Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Tranh ảnh, video hoặc mẫu vật thật về đèn sợi đốt, huỳnh quang và đèn compact.
- Hình ảnh/video về vai trò của đèn điện trong sản xuất và đời sống.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Em hãy cho biết gia đình em đang sử dụng những loại đèn điện nào?
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lẻn suy nghĩ của bủn thăn:* đèn huỳnh quang, đèn sợi đốt, ...
- *GV đặt vấn đề:* Ngày nay, đô dùng điện trong gia đình là những vật dụng không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Đồ dùng điện trong gia đình ngày càng đa dạng và hiện đại, đáp ứng nhu cầu phong phú trong sinh hoạt của con người, đặc biệt là đèn điện mang lại ánh sáng cho con người. Vậy đèn điện là gì? cần lưu ý gì khi chọn và sử dụng đèn điện trong gia đình đê đảm bảo an toàn và hiệu quả? Chúng ta cùng tìm hiểu **bài 12: Đèn điện.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đèn sợi đốt

a. **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo, chức năng một số bộ phận chính của đèn sợi đốt
- Nắm được nguyên lí làm việc và vẽ sơ đồ khối của đèn sợi đốt.
- Hiểu được đặc điểm của đèn sợi đốt để biết cách lựa chọn hợp lí cho việc chiếu sáng trong gia đình

b. **Nội dung:** Phiếu học tập số 1

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	**1. Đèn sọi đốt**

- GV yêu cầu HS quan sát hình 12.1, mầu vật thật, hình 12.2 và đọc nội dung phần I trang 63, 64 SGK.

Đèn đuôi xoáy **Đen đuửi cài**

Hinh 12.1. Cáu tao đèn SOI đốt

Nguốn điện

Sợi đốt

Hmh 12.2. So đò khá nguyên II làm VIỆC cùa đèn SOI đốt

- GV chia nhóm HS và yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học số 1 (Phụ lục) trong thời gian 3 phút.

Bướ'c 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giao nhiệm vụ, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bố sung

Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

1. Cẩu tạo

- Đèn sợi đốt gồm có 3 bộ phận chính: sợi đốt, bóng thuỷ tinh và đuôi đèn.

+ Sợi đốt: Dây kim loại có dạng lò xo xoắn, thường làm bằng wolfram chịu được nhiệt độ cao, là bộ phận để phát sáng.

+ Bóng thuỷ tinh: Được làm bằng thuỷ tinh cách nhiệt, bên trong được bơm khí trơ, có tác dụng bảo vệ sợi đốt.

+ Đuôi đèn: Làm bằng đồng hoặc sắt tráng kẽm và được gắn chặt với bóng thuỷ tinh, trên đuôi có hai cực tiếp xúc. Có hai kiểu đuôi đèn: đuôi xoáy và đuôi cài.

2. Nguyên lí làm việc của đèn sợi đốt:

- Khi được cấp điện, dòng điện chạy qua đuôi đèn, đến sợi đốt làm sợi đốt đèn nóng lên đến nhiệt độ cao, sợi đốt đèn phát sáng.

3. ***Thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình:***

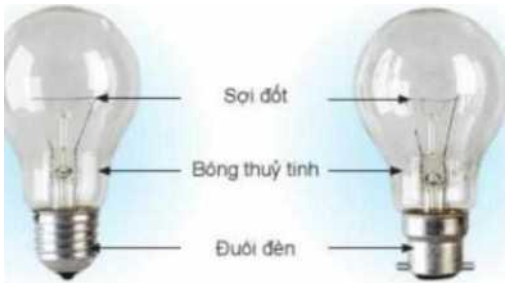

Đuôi đèn

+ GV đánh giá, nhận xét, chuân kiên thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	+ Điện áp định mức: là chỉ số điện áp để đồ dùng điện hoạt động bình thường, đơn vị Vôn (V) . + Công suất định mức: là công suất của đồ dùng điện khi hoạt động bình thường, đơn vị là Oát (W) . ***4. Đặc điểm của đèn sợi đốt.*** - Đèn phát ra ánh sáng liên tục. - Hiệu suất phát quang thấp. - Tuổi thọ trung bình thấp (khoảng 1 000 giờ).

Hoạt động 2: Đèn huỳnh quang

a. **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo, chức năng một số bộ phận chính của đèn huỳnh quang.
- Nắm được nguyên lí làm việc và vẽ sơ đồ khối của đèn huỳnh quang.
- Hiêu được đặc điêm của đèn huỳnh quang đê biêt cách lựa chọn hợp lí cho việc chiếu sáng trong gia đình.

b. **Nội dung:** Thực hành quan sát và hoàn thành phiếu học tập số 3

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM
Buóc 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm 6 HS, yêu cầu HS quan sát mẫu vật thật/hình 12.3, 12.4, đọc nội dung	**II. Đèn huỳnh quang** ***1. Cấu tạo*** - Đèn huỳnh quang ống có hai bộ

phần II. Đèn huỳnh quang ống trang 65, 66 SGK và hoàn thiện phiếu học tập số 3 trong thời gian 3 phút.

ông thuỷ tinh

Điên cưc Chân đên

Hmh 12.3. Cáu tao cùa đèn huỳnh quang óng

Nguồn điên

Chán lưu

Đén hư/nh quang ống

Hlnh 12.4. So đi khối nguyên II làm viéc cùa đèn huỳnh quang ỏng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giao nhiệm vụ, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuân kiến thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

phận chính: ống thuỷ tinh và hai điện cực.

+ Ống thuỷ tinh có chiều dài: 0,3 m; 0,6 m; 1,2 m; 1,5 m; 2,4 m. Mặt trong ống có phủ lớp bột huỳnh quang (hợp chất chủ yếu là phốt pho);

+ Điện cực được làm bằng dây wolfram có dạng lò xo xoắn.

2. Nguyên lí làm việc

- Khi cấp điện, dòng điện đi qua chấn lưu, giữa hai điện cực xảy ra hiện tượng phóng điện làm phát ra tia tử ngoại. Tia tử ngoại tác động vào lớp bột huỳnh quang bên trong ống thuỷ tinh làm phát ra ánh sáng.

3. Thông số kĩ thuật:

- Điện áp định mức: 220 V; ngoài ra còn có công suất 18 w, 20 W; chiều dài ống 0,6 m, 1,2 m ...

4. Đặc điểm

- Đèn huỳnh quang ống có đặc điểm:

+ phát ra ánh sáng không liên tục, có hiệu ứng nhấp nháy;

+ hiệu suất phát quang cao hon đèn

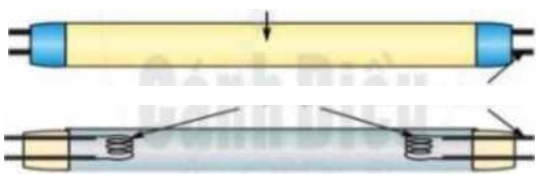

	sợi đốt; + tuổi thọ trung bình cao hon đèn sợi đốt (khoảng 8 000 giờ).

Hoạt động 3: Đèn compact

a. **Mục tiêu:** Hiểu được cấu tạo, nguyên lí làm việc, thông số kĩ thuật, đặc điểm cùa đèn compact

b. **Nội dung:** Câu hỏi hình thành kiến thức trang 66 SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẢN PHẨM
Bướ'c 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS, yêu càu thảo luận và trả lời câu hỏi: Nêu cấu tạo, nguyên lí làm việc, thông số và đặc điểm của đèn compact? So sánh đèn compact và đèn huỳnh quang ống giống và khác nhau ở điêm nào? 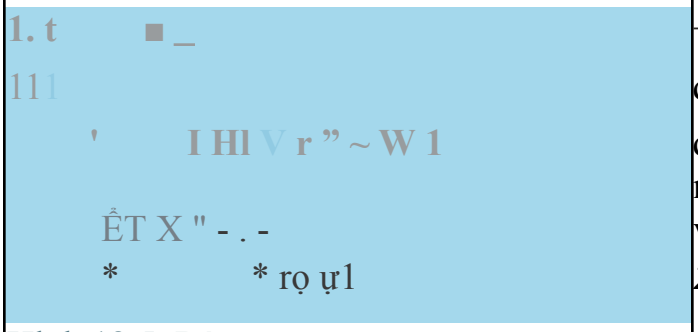 Hlnh 12.5. Đèn compact **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**	**IV. Đèn compact** ***1. Cấu tạo*** - Đèn compact là loại đèn huỳnh quang tiết kiệm điện. + Đèn có ống thuỷ tinh bé uống gập theo hình chừ u hay dạng xoắn (Hình 12.5). + Chấn lưu của đèn compact được đặt trong đuôi đèn, nhờ đó đèn có kích thước gọn, nhẹ và dễ sử dụng. ***2. Nguyên lí làtn việc*** - Khi cấp điện, dòng điện đi qua chấn lưu, giữa hai điện cực

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.	xáy ra hiện tượng phóng điện làm phát ra tia tử ngoại. Tia tử

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bu'ó'c 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả: Sự giống và khác nhau của đèn compact và đèn huỳnh quang ống: • Giống nhau: cấu tạo và nguyên lí làm việc. Khác nhau: đèn compact có kích thước nhỏ hơn, hiệu suất phát quang cao, tuổi thọ cao hơn + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bu'ó'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	ngoại tác động vào lớp bột huỳnh quang bên trong ống thuỷ tinh làm phát ra ánh sáng. 3. ***Thông số kĩ thuật*** - Đèn compact thường có thông số kĩ thuật như sau: 220 V-6 W; 220 V-15 W; 220 V - 40 W;... 4. ***Đặc diêm*** - Đèn compact có hiệu suất phát quang cao, toả ít nhiệt, tuổi thọ cao.

Hoạt động 4: Sử dụng đèn điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm

a. **Mục tiêu:** Biết được cách sừ dụng đèn điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm

b. **Nội dung:** Để sử dụng đèn điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm, cần phải làm gì?

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẢN PHẢM
Bu'ó'c 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Để sử dụng đèn điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm, cần phải làm gì?	**IV. Sử dụng đèn điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm** - Đọc kĩ thông tin có trên đèn và hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất. - Sử dụng đúng điện áp định mức.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và** **thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	- Chọn loại đèn có công suất phù hợp với nhu cầu sử dụng và điều kiện gia đình.. - Trong quá trình sử dụng cần lau bụi thường xuyên để hoạt động chiếu sáng có hiệu quả. - Hạn chế bật, tắt đèn liên tục và chú ý tắt đèn khi không có nhu cầu sử dụng.

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Một bóng đèn sợi đốt có thông số: 220 V - 75W. Hãy cho biết ý nghĩa của thông số đó.

2) Khi lựa chọn đèn điện cần dựa vào nhu cầu sử dụng mà chọn loại đèn có công suất định mức, tuôi thọ, chất lượng ánh sáng và giá sao cho phù hợp. Dựa vào bảng 12.1, em hãy lựa chọn loại đèn điện phù hợp với gia đình em.

Bảng 12.1. Thông tin của một số loại đèn điện trong gia đình

Loại đèn	Công suất (W)	Tuổi thọ (giá')	Chất lượng ánh sáng	Giá
Đèn SOI đốt	15 500	1 000	Cao	Tháp
Đèn huỳnh quang (đèn tuýp đèn ống)	10 40	5 000 8 000	Tao ra hiệu ứng nháy gây mỏi mắt	Trung bình
Đèn compact	6-40	8 000- 10 000	Nhéu gam mâu ânh sáng	Cao

3) Hoàn thành phiếu học tập số 2 (Phụ lục)

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Thông số kĩ thuật: 220 V - Điện áp định mức, 75 w - Công suất định mức.

2) Em lựa chọn đèn huỳnh quang ống và đèn compact sử dụng trong gia đình em.

3)

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

7. *Vì sao sợi đốt thường được làm bằng wolfram?*

- Sợi đốt thường được làm bang wolfram, vì wolfram chịu được đốt nóng ở nhiệt độ cao.

2. *Đèn phát ra ánh sáng liên tục có lợi ích gì?*

- Đèn phát ra ánh sáng liên tục sẽ giảm mỏi mắt khi làm việc nhiều với đèn.

3. *Vì sao sử dụng đèn sợi dot đê chiếu sáng không tiết kiệm điện năng?*

- Khi đèn làm việc chỉ khoảng 4 - 5% điện năng tiêu thụ của đèn được biến đối thành quang năng phát ra ánh sáng, phần còn lại toả nhiệt. Do đó, không tiết kiệm được điện năng.

4. *Vì sao tuôi thọ của đèn sợi dot thấp?*

- Khi làm việc, sợi đốt bị đốt nóng ở nhiệt độ cao liên tục nên đèn sợi đối nhanh hỏng

5. *Một bỏng đèn sợi đốt có thông số kĩ thuật 220 V - 75 w, hãy cho biết nghĩa của thông số đó.*

- Thông số kĩ thuật: 220 V - Điện áp định mức, 75 w - Công suất định mức

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

1) Đèn sợi đốt được sử dụng để làm gì? Em thường làm gì để tăng tuổi thọ của đèn khi sử dụng?

2) Đọc phần Em có biết trang 64 SGK và câu hỏi: Ngoài vai trò chiếu sáng, đèn điện còn có vai trò gì trong sản xuất và đời sống?

3) Đèn ống huỳnh quang được sử dụng ở đâu? Đố loại trừ hiện tượng nhấp nháy của đèn ống huỳnh quang ta có các biện pháp gì?

4) Đọc mục Em có biết trang 65 SGK, giải thích sự độc hại của thủy ngân và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe con người và môi trường? Thủy ngân thường có ở đâu?

5) Đèn compact được sử dụng ở đâu trong gia đình em?

6) Hãy nhận xét về cách sư dụng đèn điện đúng cách an toàn và tiết kiệm ở gia đình em?

7) Tìm hiểu kiến thức về đèn LED?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*

- *GV tong kết lại thức cần nhớ của bài học, đảnh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Hình thức đánh giá	**Phuong pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự	- Sự đa dạng, đáp ứng các	- Báo cáo thực	

tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

PHỤ LỤC

Nhóm:..... Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yêu cầu: Hãy đọc nội dung phần I. Đèn sợi đốt trang 63, 64 SGK và trả lời các câu hỏi

1. Cấu tạo đèn sợi đốt gồm mấy bộ phận chính?

A. 2 B.3 C. 4

2. Hãy nêu cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của đèn sợi đốt.

3. Hãy nêu nguyên lí làm việc và sơ đồ khối của đèn sợi đốt.

4. Các thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình là gì?

5. Các đặc điểm chính của đèn sợi đốt là gì?

6. Khi bóng đèn đang sáng có nên chạm tay vào không? Vì sao?

Nhóm:..... Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

1. Vì sao sợi đốt thường được làm bằng wolfram?

2. Đèn phát ra ánh sáng liên tục có lợi ích gì?
3. Vì sao sử dụng đèn sợi đốt để chiếu sáng không tiết kiệm điện năng?
4. Vì sao tuổi thọ của đèn sợi đốt thấp?
5. Một bóng đèn sợi đốt có thông số kĩ thuật 220 V - 75 w, hãy cho biết nghĩa của thông số đó.

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

1. Cấu tạo của đèn huỳnh quang ống gồm mấy bộ phận?
2. Ống thuỷ tinh và điện cực trong đèn huỳnh quang ống có đặc diêm gì?
3. Hãy nêu nguyên lí làm việc và vẽ sơ đồ khối cùa đèn huỳnh quang ống
4. Trên đèn huỳnh quang ống thường ghi những thông số kĩ thuật nào?
5. Đèn huỳnh quang có các đặc điểm nào?

Nhóm: Lớp:

PHIÊU HỌC TẬP SỐ 4

Yêu cầu: Yêu cầu: Điền "Đúng" hoặc "Sai" tương ứng với các nội dung trong bảng sau:

STT	Đèn Compact	Đúng hay sai
1	Có dạng tuýp dài	
2	Cấu tạo và nguyên lí hoạt động giống với đèn sợi đốt	
3	Kích thước lớn hơn so với đèn huỳnh quang ống	
4	Tuổi thọ của bóng đèn cao hơn huỳnh quang ống và đèn sợi đốt	
5	Hiệu suất phát quang thấp hơn đèn huỳnh quang ống	

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 13: NỒI CƠM ĐIỆN VÀ BẾP HỒNG NGOẠI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, công dụng của nồi cơm điện, bếp hồng ngoại trong gia đình.
- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của nồi cơm điện,

bếp hồng ngoại trong gia đình.
- Nếu được thông số kĩ thuật của nồi cơm điện, bếp hồng ngoại và giải thích được ý nghĩa của thông số kĩ thuật đó.

2. **Năng lực**

a) Năng lực công nghệ
- Sử dụng nồi cơm điện, bếp hồng ngoại trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
- Lựa chọn được nồi cơm điện, bếp hồng ngoại tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện của gia đình.

b) Năng lực chung
- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung bài học.
- HS tự đánh giá và đánh giá kết quả các câu trả lời cúa minh cũng như của các thành viên trong lớp.

3. **Phẩm chất**
- Chăm chỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.
- Có ý thức tiết kiệm.

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối vói giáo viên:**
- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4. bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Tranh ảnh, video về nồi cơm điện, bếp hồng ngoại.

2. **Đối vói học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**
- *G V yêu cầu HS quan sát hình 13.1 và trả lời câu hỏi:*

Hình 13.1. Một số đồ dùng điện

Em hây nêu tên cổng dung cùa các đồ đúng điện trong Hlnh 131

- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân*
- *GV đặt vấn đề:* Cơm thường được nấu bằng bếp gas, bếp củi trước khi có nồi cơm điện. Nấu cơm bằng nổi cơm điện sè tiết kiệm được thời gian cho người nấu cơm. Để lựa chọn và sử dụng nồi cơm điện, bếp hồng ngoại sao cho đúng cách, tiết kiệm và an toàn cần dựa trên một số lưu ý cụ thể. Để hiểu rõ hơn nội dung, chúng ta tìm hiểu **bài 13: Nồi cơm điện và bếp hồng ngoại.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C

Hoạt động 1: Nồi cơm điện

a. **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo, chức năng một số bộ phận chính của nồi cơm điện.
- Trình bày được nguyên lí làm việc, thông số kĩ thuật và vẽ được sơ đô khối của nồi cơm điện.
- Nêu được đặc điểm của nồi cơm điện.
- Nêu được cách sử dụng nồi cơm điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm.

b. **Nội dung:** Phiếu học tập số 1

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DựKIEN SAN PHÁM
Buo'c 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS; yêu cầu các nhóm	**I. Nồi com điện** ***1. Cấu tạo***

quan sát hình 13.2/mầu vật thật, đọc nội
dung phần I. Nồi cơm điện trang 68,

Hình 13.2. cấu tạo của nồi com (Mn

Bổd-éukhiên Mâm nhiệt NỒI nấu

69

SGK; hoàn thành phiếu học tập số 1.

Nguòndiện

Hình 13.3. So đồ khối nguyên II lâm viêc cùa nổi cơm điên

- GV đặt câu hỏi liên hệ: Nồi cơm điện nhà em có dung tích bao nhiêu,

thực hiện được chức năng gì?

Bướ'c 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bô sung

Bướ'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

Nồi cơm điện gồm có 3 bộ phận chính: thân nồi, nồi nấu và bộ phận đốt nóng.

+ Thân nôi: thường có hai lớp, giữa hai lớp vở có lớp cách nhiệt đê giữ nhiệt bên trong. + Nồi nấu: được làm bằng họp kim nhôm, phía trong thường được phủ một lớp chống dính đê cơm không dính vào nôi.

+ Bộ phận đốt nóng (mâm nhiệt); dây điện trở đặt trong ống chịu nhiệt cách điện, lắp vào mâm dưới đáy nối. Nó là mâm tạo nhiệt chính cho nôi cơm.

2. Nguyên lí làm việc của nồi cơm điện:

- Khi được cấp điện và chọn chế độ nấu, bộ điều khiển sẽ cấp điện cho mâm nhiệt, mâm nhiệt nóng lên làm cho cơm chín. Khi cơm chín, bộ điều khiển sẽ tự động chuyển sang chế độ hâm nóng.

4. ***Thông so kĩ thuật của nồi cơm điện -.*** điện áp định mức, công suất định mức, dung tích định mức.

5. Đặc điểm của nồi cơm điện:

- Tiết kiệm thời gian, công sức khi nấu cơm.
- Dề sử dụng và có nhiều công dụng khác nhau như hấp bánh, nấu cháo,

6. ***Đê sử dụng nôi cơm điện đúng cách,***

	an toàn, tiết kiệm can'. - Đọc kĩ thông tin có trên nồi cơm điện và hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất. - Sử dụng đúng dung tích, điện áp định mức. - Thường xuyên vệ sinh các bộ phận của nồi cơm điện.

Hoạt động 2: Bếp hồng ngoại

a. **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo, chức năng một số bộ phận chính của bếp hồng ngoại.
- Trình bày được nguyên lí làm việc, thông số kĩ thuật và vẽ sơ đồ khối của bếp hồng ngoại.
- Nêu được đặc điểm của bếp hồng ngoại.
- Nêu được cách sử dụng bếp hồng ngoại đúng cách, an toàn, tiết kiệm

b. **Nội dung:** Phiếu học tập số 2.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia nhóm HS; yêu cầu các nhóm quan sát hình 13.4/mẫu vật thật, và đọc nội dung phần II. Bep hồng ngoại trang 70, 71 SGK; hoàn thành phiếu học tập số 2 trong 3 phút.	**II. Bếp hồng ngoại** ***1. Cấu tạo của bếp hồng ngoại*** - Gồm các bộ phận chính: mâm nhiệt hồng ngoại, bộ phận điều khiển thân bếp, mặt bếp. + Mâm nhiệt hồng ngoại có 2 loại, một là mâm nhiệt sử dụng dây mayso, hai là loại sử dụng bóng đèn halogen.

Hlnh 13.4. Cáu tao cùa bép hổng ngoai

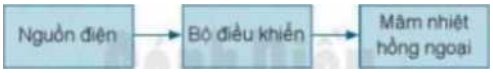

Hình 13.5. So đò khối nguyên II lam việc của bép hòng ngoai

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giao nhiệm vụ, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

+ Mặt kính bếp hồng ngoại có cấu tạo khá đơn giản với 100% được làm từ các vật liệu kính chuyên dụng (mặt kính Schott Cera, mặt kính Eurokera, mặt kính Ceramic và mặt kính chịu nhiệt).

+ Phần thân thường được làm bằng kim loại được phủ lên trên một lớp sơn tĩnh điện chống han gỉ cũng như rò rỉ điện, giúp kéo dài tuổi thọ cùa bếp khi sử dụng.

2. Nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại:

- Khi được cấp điện và chọn chế độ nấu, bộ điều khiển sẽ cấp điện cho mâm nhiệt hồng ngoại, làm mâm nhiệt hồng ngoại nóng lên, toả ra một nhiệt lượng lớn làm nóng nồi nau.

3. ***Thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại:*** điện áp định mức: 220 V; công suất định mức 1000 w, 1 500 w,...

4. ***Đặc điểm của bếp hồng ngoại: - -*** Không kén nôi nên có thê dùng nhiêu loại nổi khác nhau để đun nấu;

- Hiệu suất của bếp hồng ngoại đạt khoảng 60%;

	-Bep không sinh ra các khí độc hại như carbonic, không gây nóng nực và ngột ngạt trong không gian bếp, an toàn khi sử dụng. 5. ***Sử dụng bếp hồng ngoại đúng cách, an toàn, tiết kiệm*** - Đọc kì thông tin có trên bếp và hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất. - Sử dụng đúng điện áp định mức của bếp. - Lựa chọn chế độ nấu thích hợp - Thường xuyên lau bếp sạch sẽ. - Không chạm vào bếp khi đun nấu và khi vừa đun nâu xong đê tránh bị hỏng.

c. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk. kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Ngoài các bộ phận chính, nồi com điện còn có những bộ phận nào? Chức năng của nó là gì? Nồi cơm điện thường chia thành mấy loại? Hãy nêu đặc điểm của mỗi loại?

2) Em hãy cho biết diem giống và khác nhau về cấu tạo, nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại và nồi cơm điện?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Ngoài ba bộ phận chính, nồi cơm điện còn có các bộ phận khác: vung noi (nắp nồi) được đậy chặt, khít với nồi để nhiệt năng không phát tán ra ngoài, trên vung nồi có van an toàn; ngoài vỏ còn có cốc hứng nước ngưng tụ để nước khỏi rơi ra ngoài; bộ phận điều khiển, rơ-le nhiệt đế thực hiện các chức năng khác nhau của nồi cơm điện như nấu, ủ, hấp, hẹn giờ,... theo yêu cầu.

2) Điểm giống và khác nhau của bếp hồng ngoại và nồi cơm điện về cấu tạo và nguyên lí:

+ Điểm giống nhau: đều có mâm nhiệt, bộ phận điều khiển, nguyên lí làm việc chuyên đôi điện năng thành nhiệt năng.

+ Điểm khác nhau: nồi cơm điện có nồi nấu, bộ phận cách nhiệt, nắp nồi,

- *GV nhận xét, đánh giả, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiên thức đã học đê hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

I) Khi lựa chọn nồi cơm điện cần lưu ý đến số lượng thành viên trong gia đình. Nồi cơm điện được chọn cần có dung tích và công suất phù hợp để tiết kiệm năng lượng và phù hợp với điều kiện kinh tế gia đinh. Dựa vào Bảng 3.1, em hãy cho biết gia đình em nên chọn loại nồi cơm điện có dung tích bao nhiêu là phù hợp?

Bàng 13.1. Mức tiêu thụ điện năng và sổ người ăn phù hop VỚI dung tlch nồi cơm điên

Dung tlch	Dưới 1 lit	1 -1,5 lit	1,6-2 lit	Trên 2 lit
Tiêu thu điẻn nâng (W)	Thấp	Vừa phái	Trung binh	Cao
Phù hợp VỚI só người ăn	1 -2	2 — 4	4-6	>6

2) Gia đình em có 2 người, em chọn bếp hồng ngoại như thế nào để tiết kiệm năng lượng và phù hợp với điều kiện gia đình? Vì sao?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông két lại thức cần nhớ của bài học, đảnh giá kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phưtrng pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gan với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	
V. HÒ Sơ DẠY H<	**IC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiêm....)*		

PHỤ LỤC

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

1. Câu tạo nồi cơm điện gồm mấy bộ phận chính?
2. Hãy nêu cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện?
3. Hãy nêu nguyên lí làm việc và vẽ sơ đồ khối của nồi cơm điện.
4. Các thông số kì thuật của nồi cơm điện là gì?
5. Các đặc điểm chính của nồi cơm điện là gì?
6. Làm sao để sử dụng nồi cơm điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm?

Nhóm: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Yêu cầu: Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

1. Cấu tạo bếp hồng ngoại gồm những bộ phận chính nào?
2. Hãy nêu cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.
3. Hãy nêu nguyên lí làm việc và sơ đồ khối của bếp hồng ngoại.
4. Các thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại là gì?
5. Các đặc điểm chính của bếp hồng ngoại là gì?
6. Làm sao để sử dụng bếp hồng ngoại đúng cách, an toàn, tiết kiệm?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 15: QUẠT ĐIỆN VÀ MÁY GIẶT (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, công dụng của quạt điện, máy giặt trong gia đình.
- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc quạt điện, máy giặt trong gia đình.
- Nếu được thông số kĩ thuật của quạt điện, máy giặt và giải thích được ý nghĩa của thông số đó.

2. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

- Sử dụng quạt điện, máy giặt trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn Lựa chọn được quạt điện, máy giặt tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện của gia đình.

b) Năng lực chung

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin. dừ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung bài học.
- HS tự đánh giá và đánh giá kết quả các câu trả lời của mình cũng như của các thành viên trong lớp.

3. **Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm.
- Có ý thức tiết kiệm

II. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4. bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Tranh ảnh, video về quạt điện, máy giặt

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐÀU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS quan sát hình 14.1 và trả lời câu hỏi:* Em hãy nêu tên và công dụng của các đồ dùng điện hình 14.1.

- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:*

Hình 14.la: Quạt điện: dùng quạt mát

Hình 14. Ib: Máy giặt dung để giặt quần áo.

- *GV đặt vấn đề:* Quạt điện và máy giặt là hai đồ dùng điện phổ biến trong gia đình. Để biết được cấu tạo, nguyên lí làm việc của quạt điện và máy giặt, chúng ta cùng đến với **bài 14: Quạt điện và máy giặt.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚ C

Hoạt động 1: Quạt điện

a. **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo, chức năng một sổ bộ phận chính của quạt điện.
- Trình bày được nguyên lí làm việc và vẽ sơ đồ khối của quạt điện.
- Nêu được đặc điểm của quạt điện.
- Nêu được cách sử dụng quạt điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm.

b. **Nội dung:** Phiếu học tập số 1.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIÊN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia nhóm HS; yêu cầu các nhóm quan sát hình 14.2/mầu vật thật, đọc nội dung phần I. Quạt điện trang 72 - 74 SGK; hoàn thành phiếu học tập số 1, trong thời gian 5 phút.	

Hình 14.2. Cấu tạo của quạt điện

+ Bên cạnh tác dụng làm mát, em hãy cho biết quạt còn có tác dụng nào khác?

+ Hãy cho biết chức năng của các bộ phân cấu tạo nên quạt điện trong hình 14.2.

+ Tại sao phải đặt quạt ở vị trí chắc chắn và lau quạt thường xuyên?

Hình 14.X Sơ đồ khối nguyên lí làm việc của quạt điện

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh

I. **Quạt điện**

1. Cấu tạo của quạt:

- Gồm có 2 bộ phận chính là động cơ điện và cánh quạt.

+ Động cơ điện: là bộ phận làm quay cánh quạt.

+ Cánh quạt là bộ phận trực tiếp tạo ra gió. Cánh quạt được gắn với trục của động cơ quạt. Có một số loại cánh sau: loại 3 hoặc 5 cánh, loại cánh mỏng hoặc cánh dày.

2. Nguyên lí làm việc của quạt điện:

- Khi được cấp điện và chọn chế độ gió, động cơ hoạt động làm cánh quạt chuyển động, sự chuyên động này tạo nên luông gió.

3. Thông số kĩ thuật của quạt điện:

- Điện áp định mức, công suất định mức, đường kính cánh quạt.

4. Đặc điểm của quạt điện :

- Quạt trần, quạt treo tường: Loại quạt này gắn cố định trên tường, trần nhà, làm mát cho toàn bộ không gian tại nơi gắn quạt.
- Quạt bàn, quạt đứng, quạt lửng: Đây là loại quạt truyền thống và phổ biến nhất hiện nay, có 3 loại quạt đứng cơ bản là: quạt dạng cao, quạt dạng thấp (quạt để

Cần sự giúp đỡ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả: • Cấu tạo của quạt • Nguyên lí làm việc • Thông số kì thuật • Đặc diêm của quạt điện Sử dụng đúng cách an toàn, tiết kiệm + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	bàn), quạt với công suất lớn. - Quạt hộp: Loại quạt này khá gọn gàng, hình chừ nhật, hình vuông hay hình cầu, có chan và quay theo các hướng khác nhau, tránh trẻ cho tay vào quật, giữ an toàn nếu trong nhà có trẻ nhỏ. - Quạt phun sương, quạt điều hoà: Quạt có khả năng làm mát đặc biệt thông qua hơi nước hoặc phun sương làm mát. Hệ thống với nhiều chế độ gió khắc nhau giúp cung câp và duy trì độ âm trong không khí, khử mùi, đuổi muồi, ***6. Sử dụng quạt điện đúng cách, an toàn, tiết kiệm*** - Đọc kĩ thông tin có trên quạt điện và hướng dẫn sử dụng - Sử dụng đúng điện áp định mức - Nên cho quạt quay để thay đổi hướng luống gió trong phòng. Không sờ vào cánh quạt khi quạt đag quay.

Hoạt động 2: Máy giặt

a. **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo, chức năng một số bộ phận chính của máy giặt.
- Trình bày được nguyên lí làm việc và vẽ được sơ đồ khối của máy giặt.
- Nêu được đặc điểm của máy giặt.
- Nêu được cách sử dụng máy giặt đúng cách, an toàn, tiết kiệm

b. **Nội dung:** Phiếu học tập số 3 và câu hỏi hình thành kiến thức trang 75 **SGK**

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học d. **Tổ chức thực hiện:**	**HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV chia nhóm HS; yêu cầu các

nhóm quan sát hình 4.5 trang 75 SGK, đọc nội dung phần II. Máy giặt trang 75, 76 SGK; hoàn thành phiếu học tập số 3 và trả lời câu hỏi: *Quan sat hình 14.5, nêu tên và chức năng các bộ phận cấu tạo nên máy giặt.*

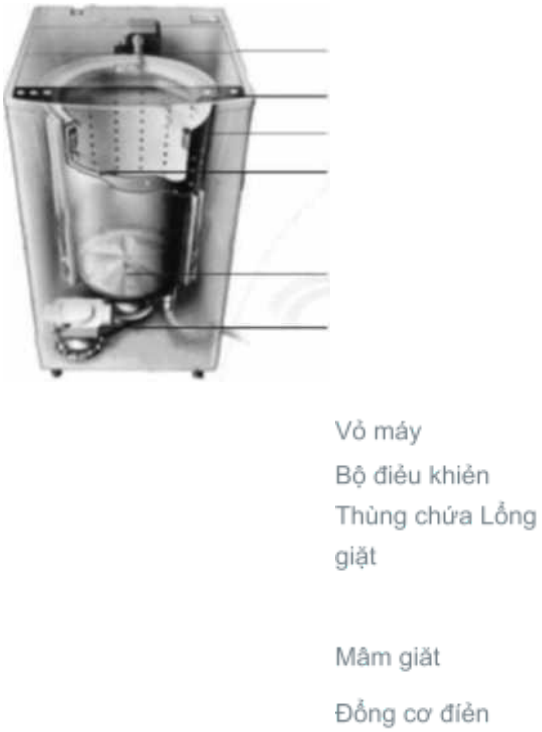

Hình 14.5. cáu tao của máy giăt

+ Vì sao phải phân loại quần áo khi giặt bằng máy?

+ Vì sao phải vệ sinh lồng giặt thường xuyên?

Bướ'c 2: HS thực hiện nhiệm vụ học

hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo ỉuận

+ HS trình bày kết quả:

- Cấu tạo của máy giặt
- Nguyên lí làm việc

tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu

sinh

DỤ KIẾN SẢN PHẨM

II. **Máy giặt**

1. Cấu tạo của máy giặt

- Gồm 2 bộ phận chính: động cơ điện, mâm giặt.

2. Nguyên lí làm việc của máy giặt'.

- Khi được cấp điện và chọn chế độ giặt, động cơ điện hoạt động làm cho mâm giặt quay theo. Khi đó quần áo được xoay và đảo chiều liên tục. Lúc này, bề mặt quần áo được chà xát với nhau và với thành lồng giặt làm các vết bẩn được loại bỏ khỏi sợi vải.

3. ***Các thông số kĩ thuật của máy giặt.*** điện áp định mức: 220 V; công suất định mức: 1 000 w, 1 500 w,,,. và khối lượng giặt định mức: 6,5 kg, 7 kg,...

4. Đặc diêm của máy giặt:

- Máy giặt lồng đứng:

+ Máy giặt lồng đứng dề sử dụng, phù hợp với gia đình có vị trí đặt máy chật hẹp, máy có nắp mở rộng, dề thao tác.

+ Quần áo sau khi giặt thường bị xoắn chặt, do đó quần áo mau bị giãn, biến

- Thông số kĩ thuật
- Đặc điểm của máy giặt

Sử dụng đúng cách an toàn, tiết kiệm

Cần phải phân loại quần áo đê chọn chế độ giặt phù hợp, giúp bảo vệ quần áo tốt hon đồng thời bảo vệ lồng giặt.

• Việc vệ sinh máy giặt định kì để ngăn không cho vi khuân, nấm mốc có cơ hội phát triển trong máy giặt, gây ra mùi hôi ngay cá khi vừa giặt xong. + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bướ'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức dạng khi giặt nhiều lần. + Máy tiêu thụ điện năng ít hơn máy lồng ngang (cùng tính năng). + Giá thành máy ở mức vừa phải. - Máy giặt lồng ngang: + Máy tiết kiệm nước hơn so với máy giặt lồng đứng. + Tính năng ưu việt nhất của dòng máy giặt này là có thể giữ được độ	bền của quần áo. + Quần áo trong quá trình giặt ít bị xoắn vào nhau nên tránh được hiện tượng giãn hay biến dạng như máy giặt lồng đứng. + Giá thành của máy cao. ***5. Sử dụng máy giặt an toàn, đúng cách*** - Đọc kĩ hướng dẫn sử dụng trước khi vận hành - Sử dụng đúng điện áp định mức - Chọn máy giặt phù hợp với nhu cầu sử dụng - Lượng quần áo đem giặt phải thấp hơn hoặc bằng khối lượng giặt định mức của máy - Phân loại quần áo đem giặt và chọn

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

chế độ giặt hù hợp

- Vệ sinh lồng giặt thường xuyên

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiên thức đã học đê hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1) Ngoài động cơ điện và cánh quạt, quạt điện còn có những bộ phận nào? Neu chức năng của những bộ phận đó?

2) Em hãy cho biết nguyên lí làm vệc của máy giặt và quạt điện giống và khác nhau ở điểm nào?

3) Máy giặt có khối lượng định mức 7kg, khi giặt 8kg quần áo khô thì có hiện tượng gì xảy ra? Vì sao?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

1) Ngoài bộ phận chính quạt điện còn có các bộ phận khác: Thân quạt là phần đỡ động cơ và cánh quạt. Thân quạt thường được thiết kế động có thể lắp vào hoặc tháo ra khi cần thiết. Đe quạt: giúp cho quạt đứng được đúng vị trí khi hoạt động. Lồng quạt: là bộ phận đơn giàn nhất của quạt nhung lại có ý nghĩa quan trọng, có tác dụng bảo vệ, tránh nguy hiểm cho

người sử dụng quạt, tránh những va chạm giữa quạt với người sử dụng. Bộ phận điều khiển đe thay đổi tốc độ, lượng gió.

2) Điêm giống và khác nhau về nguyên lí làm việc cúa máy giặt và quạt điện:

+ Giống: chuyển đổi điện năng thành cơ năng.

+ Khác: động cơ máy giặt có thê quay theo hai chiều, còn động cơ quạt điện thường quay 1 chiều.

3) Khi giặt quá khối lượng giặt định mức, máy giặt sẽ giặt không sạch hoặc không làm việc vì động cơ điện bị quá tải.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung: Sử** dụng kiến thức đã học đế hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

1) Quan sát hình ảnh các loại quạt dưới đây và cho biết tên, đặc điểm, tính năng nổi bật của mỗi loại quạt:

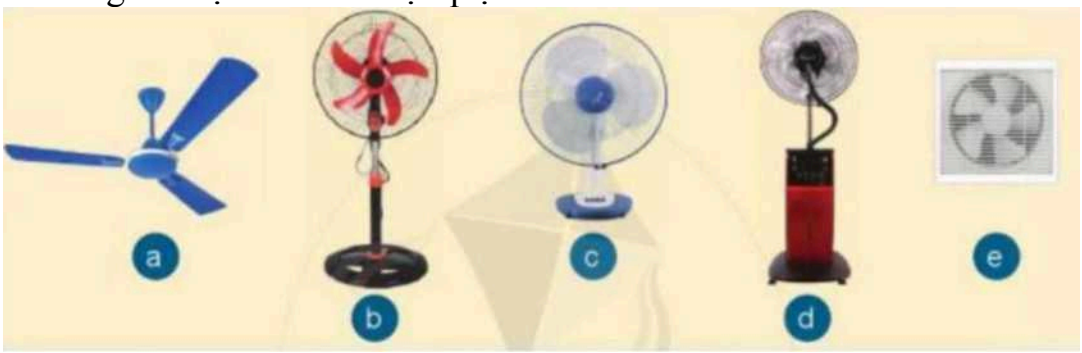

2) Đê lựa chọn quạt trong gia đình phù hợp cần dựa vào: diện tích, không gian sử dụng và đặc điểm của các loại quạt điện. Dựa vào bảng 14.1, hãy chọn cho gia đình em một loại quạt an toàn, hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp.

Báng 14.1. Môt số đâc điểm của các loai quat điên trong gia đinh

Đạc điểm	**Quạt hộp**	**Quạt tưởng, quạt trân**	**Quạt bàn**	**Quạt đứng**	**Quạt điều hoá, quạt phun sương**
Diện tlch phổng	Dưới 10 m-	10-12 m-	10-15 m-	15 - 25 m-	Trên 25 m
Di đổng hoăc cổ đinh	Di đông	Cổ đinh	Di đông	Dỉ động	Di đông

3) Đe lựa chọn máy giặt tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện kinh tế, cần dựa vào số lượng quần áo cần giặt: gia đình có 2 đến 3 người chọn máy giặt có khối lượng giặt định mức dưới 7,5 kg; gia đình có 4 đến 5 người chọn máy giặt có
khối lượng đinh mình 7,5 - 8,5kg và trên 6 người chọn máy giặt có khối

lượng định mức trên 8,5kg.

Gia đình bạn Nam có 4 người, gia đình bạn Hoa có 6 người, theo em gia đình bạn Nam và bạn Hoa nên chọn loại máy giặt nào cho hợp lí?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cảo vào tiết học sau.

- GV tông kêt lại thức cân nhớ của bài học, đảnh giá kêt quả học tập trong tiêt học.

IV. KÉ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phuvng pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HÒ Sơ DẠY Ị)C H(*(Đính kèm các phiêu học tập/báng kiêm....)*

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI 15: ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ MỘT CHIỀU (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức**

- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, công dụng của máy điều hoà không khí một chiều trong gia đình.
- Trình bày được nguyên lí làm việc của máy điều hoà không khí một chiều trong gia đình.
- Nêu được thông số kĩ thuật của máy điều hoà không khí một chiều và giải thích được ý nghĩa của thông số kì thuật đó.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- Sử dụng máy điều hoà không khí một chiều trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
- Lựa chọn được máy điều hoà không khí một chiều tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện của gia đình.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dừ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung bài học.
- HS tự đánh giá và đánh giá kết quả các câu trả lời của mình cũng như của các thành viên trong lớp.

3. **Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, có tinh thần trách nhiệm.
- Có ý thức tiết kiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối với giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Tranh ảnh, video về máy điều hoà không khí một chiều.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS quan sát hình 15.1 trang 78 SGK và trả lời câu hỏi:* Trong mùa hè, những đồ dùng điện nào được sử dụng để làm mát? Em biết loại máy điều hòa không khí nào ở hình 15.1?

- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ và nêu lên suy nghĩ của bản thân:* quạt điện, điều hòa, quạt điều hòa hơi nước,... được sử dụng để làm mát trong mùa hè.

Máy điều hoá treo tường Máy điều hoá âm trần Máy điều hoà cây

- *GVđặt vấn đề:* Vào mùa hè, thời tiết nóng bức chúng ta rất cần các đồ dùng đinệ làm mát như quạt điện, điều hòa,.... Đe biết cấu tạo, nguyên lí làm việc của điều hào, chúng ta cùng đến với **bài 15: Máy điều hòa không khí một chiều.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 11111 hiểu cấu tạo của máy điều hòa không khí một chiều

a. Mục tiêu: Nêu được cấu tạo của điều hòa không khí một chiều

b. **Nội dung:** Câu hỏi trong SGK

c. **Sản phẩm học tập:câu** trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIÊN SẢN PHẨM
Bướ'c 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi: Dựa vào hiếu biết và nội dung trong SGK hãy cho biết công dụng của máy điều hòa không khí một chiều? - Gv yêu cầu HS quan sát hình 15.2 và thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi: Nêu cấu tạo của điều hòa không khi 1 chiều? **Hlnh 15.2. Cáu tao máy điéu hoà không khi môt chiều** 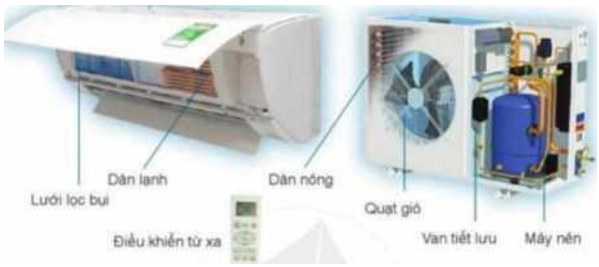 **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.	- Công dụng của máy điều hòa không khí một chiều: + Làm mát không khí + Làm khô không khí trong phòng khi có độ ẩm + Lọc bụi trong không khí. **1. Cấu tạo:** - Gồm các bộ phận: + Dàn nóng + Dàn lạnh + Máy nén + Van tiết lưu + Quạt gió + Lưới lọc bụi + Điều khiển từ xa,...

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bu'ó'c 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bố sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên lí làm việc của máy điều hòa không khí một chiều

a. **Mục tiêu:** giúp HS biết được nguyên lí làm việc của máy điều hòa không khí một chiều.

b. **Nội dung:** thảo luận câu hỏi trong SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Dự KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS quan sát hình 15.3 và thảo luận theo cặp: *nêu nguyên lí làm việc của máy điểu hào không khí một chiều?*	**2. Nguyên lí làm việc** - Khi được cấp điện, nhấn nút khởi động và chọn chế độ làm mát trên điều khiển, máy nén làm việc, gas trong ống dẫn qua van tiết lưu sẽ có áp suất thấp, nhiệt độ thấp tới dàn lạnh sẽ bay hơi và hấp thụ nhiệt từ môi trường xung quanh.

Mnnống ♦ Van tiết luu Máy nén Gas áp suất tháp _ . _ nMtđộthíp[1] * Dàn lanh 1 **Hình 15.3. So đổ nguyên II làm việc của mấy điêu hoà khổng khí mổt chiêu** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hởi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đờ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bô sung **Bướ'c 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuấn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	Quạt gió trong dàn lạnh sẽ hút không khí trong phòng đẩy qua dàn lạnh đế làm lạnh rồi đưa trở lại phòng làm mát phòng. Gas tiếp tục đến máy nén, tại đây gas sẽ được nén tới áp suất cao và nhiệt độ cao qua dàn nóng để tản nhiệt nhờ quạt và dàn lá nhôm tản nhiệt. Khi đi qua đàn nóng, gas sẽ có nhiệt độ thấp hơn. Gas tiếp tục đến van tiết lưu và bắt đầu một chu trình mới.

Hoạt động 3: Tìm hiểu thông số kĩ thuật

a. **Mục tiêu:** HS nêu được các thông số kĩ thuật của máy điều hòa không khí một chiều

b. **Nội dung:** trả lời câu hởi trong SGK.

c. **Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỤ KIẾN SẴN PHÀM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục 3. Thông số kĩ thuật trong SGK trang 80 và nêu các thông số kĩ thuật của máy điều hào không khí một chiều? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. **Bướ'c 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo]uận** + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	**3. Thông số kĩ thuật** - Điện áp định mức: 220 V. - Công suất làm lạnh định mức: 9 000 BTU/h, 12 000 BTU/h,... - Máy điều hòa có nhiều loại với thông số: 220 V-9000BTU/h,,,...
Hoạt động 4: Sử dụng máy điều hòa không khí một chiều đúng cách, an toàn, tiết kiệm a. **Mục tiêu: HS** biết sử dụng máy điều hòa không khí một chiều đúng cách, an toàn, tiết kiệm b. **Nội dung:** c. **Sản phẩm học tập:** d. **Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**Dự KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS dựa vào hiếu biết và nội dung SGK, thảo luận trả lời câu hỏi: + Vì sao phải đóng cửa khi bật điều hòa? + Vì sao phải bảo dưỡng điều	

hòa định kì hằng năm là cần thiết?
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.
+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
+ HS trình bày kết quả:

- Khi bật máy điều hoà nên đóng cửa để giảm thất thoát nhiệt ra bên ngoài.
- Cần phải bảo dưỡng máy điều hoà định kì hằng năm để: hạn chế tác nhân gây bệnh về đường hô hấp. kéo dài "tuổi thọ" của điều hoà và ngăn chặn nguy cơ tiêu tốn điện năng.

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

4. **Sử dụng máy điều hòa không khí một chiều đúng cách, an toàn, tiết kiệm**

- Đọc kĩ hướng dẫn sử dụng trước khi vận hành
- Sử dụng đúng điện áp định mức
- Đóng các cửa khi bật máy điều hòa
- Bảo dưỡng định kì hằng năm
- Nên đặt chế độ nhiệt điều hòa 26 - 27°c để tiết kiệm điện.

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	

c. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiên thức đã học đê hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

GVyêu câu HS thực hiện trả lời câu hôi: hoàn thành phiêu học tập sau:

Nhóm:. Yêu cầt	Lớp: **PHIẾU HỌC TẬP** i: Điền "đúng" hoặc "sai" tương ứng với nội dung tỏng bảng:	
STT	**Máy điều hòa không khí một chiều**	**Đúng hay sai**
1	Có tác dụng làm ấm không khí trong phòng	
2	Lọc bụi trong không khí	
3	Thông số kĩ thuật chỉ có điện áp định mức	
4	Cấu tạo gồm 2 bộ phận: dàn lạnh và lưới lọc bụi	
5	Nên sử dụng đúng điện áp định mức, báo dường thường xuyên	

HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành phiêu học tập.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẵn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đế hỏi và trả lời, trao đối

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS về nhà:*

Để lựa chọn được máy điều hoà không khí một chiều tiết kiệm điện và phù hợp với điều kiện của gia đình thì cần chọn công suất máy điều hoà phù hợp với thế tích phòng. Do chiều cao trần nhà ở Việt Nam thường từ 2,7 mét đến 3 mét nên khi chọn công suất máy điều hoà thường dựa vào diện tích của phòng (m^2), tính theo công thức sau:

Công suất làm lạnh = diện tích phòng X 600 BTU/h/m^2. Đe chọn điều hoà không khí một chiều cho căn phòng 15 m^2 và 25 m^2, em sẽ lựa chọn điều hoà không khi có công suất bao nhiêu?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông két lại thức cần nhớ của bài học, đánh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KÉ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phuong pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	

V. Hõ Sơ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiếu học tập/bủng kiêm....)*

Ngày soạn:
Ngày dạy:

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 4: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức**

- Hệ thống hoá kiến thức của chủ đề 4.

2. **Năng lực**

a) **Năng lực công nghệ**

- Tóm tắt được các kiến thức của chủ đề đồ dùng điện trong gia đình.

b) **Năng lực chung**

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin, dữ liệu qua nội dung SGK đê trả lời câu hỏi.
- Hợp tác theo nhóm đe khái quát chủ đề đồ dùng điện trong gia đình.
- Giải quyết vấn đề có gắn với thực tiền cúa chủ đề đồ dùng điện trong gia đình.

3. **Phẩm chất**

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có ý thức tiết kiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối với giáo viên:**

- SGK Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy AO, A4, bút dạ, bút màu, nam châm dính báng.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG)

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *Gv khái quả sơ lược lại nội dung chủ đề 4.*
- *HS xem tranh, tiếp nhận nhiệm vụ.*
- *GVđặt vấn đề:* Đe khắc sâu và ghi nhớ kiến thức chủ đề 4, chúng ta cùng đến với

ôn tập

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚC

Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thúc

a. **Mục tiêu:** khái quát hóa kiến thức

b. **Nội dung:** hoàn thiện sơ đồ hệ thống kiến thức

c. **Sản phẩm học tập:** sơ đồ hệ thống kiến thức

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	**Dự KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS ôn lại kiến thức đã học và hoàn thiện sơ đồ sau:	Sơ đồ hệ thống kiến thức chủ đề 4.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiên thức

+ Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

c. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu: Cúng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

b. **Nội dung:** Bài tập 1, 2 trang 82 SGK

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:*

1. Trong gia đình em có những đồ dùng điện nào? Đọc và tìm hiểu ý nghĩa của các thông số kì thuật ghi trên những đồ dùng điện đó.

2. Nguồn điện trong gia đình có điện áp là 220 V. Hãy chọn những đồ dùng điện có thông số kĩ thuật sao cho phù hợp:

a. Đèn huỳnh quang ống 110 V - 40 w.

b. Bếp hồng ngoại 220 V - 1 000 w.

c. Quạt bàn 220 V - 45 w.

d. Máy giặt 110 V - 10 kg.

e. Nồi cơm điện 220 V - 2 lít.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi*
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiên thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiền cuộc sống.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiên thức đã học đê hỏi và trả lời, trao đôi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GVyêu cầu HS về nhà:*

3. Trả lời các câu hỏi sau:

a. Nếu sử dụng đồ dùng điện trong gia đình với điện áp thấp hơn điện áp định mức, có thể gây ra hậu quả gì? Cho ví dụ.

b. Nếu sử dụng đồ dùng điện trong gia đình vượt quá các thông số kì thuật, có thể gây ra hậu quả gì? Cho ví dụ.

4. Cân làm gì đê sử dụng tôt đô dùng điện trong gia đình?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.*
- *GV tông kết lại thức cần nhớ của bài học, đảnh giả kết quả học tập trong tiết học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	**Phuong pháp đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Ghi Chú**
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập - Trao đổi, thảo luận	
V. HÒ Sơ DẠY H<	**3C** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiêm....)*		